

# KINH VÔ LƯỢNG THỌ LIÊN NGHĨA THUẬT VĂN TÁN

## QUYỂN HẠ

Phật bảo A-nan cho đến nhóm bất định, là phần thứ hai, nói nhân quả vãng sinh của chúng sinh, tức nguyện nhiếp chúng sinh mà nói về vãng sinh. Vãng sinh có bốn: Một là phạm tiểu vãng sinh; hai là Đại thánh vãng sinh; ba là nói sự hơn kém của cả hai và khuyên phạm tiểu vãng sinh; bốn là khen cõi nước ấy cao quý, khuyên Đại Thánh cầu sinh. Phần một lại có ba: Một là bày Chánh định khiến mọi người cầu sinh. Có thuyết chép: Có pháp Niết bàn gọi là nhóm Chánh định, không có pháp Niết-bàn gọi là nhóm Tà định, là hai thứ này gọi là nhóm Bất định, là không đúng. Là chủng tánh có và chủng tánh không thì ngoài ra không có nhóm chúng sinh, nên chỉ có hai thứ này. Có thuyết chép: Đường lành trở xuống gọi là Tà định, ở giai vị đường lành thì có số lui sụt, số tinh tiến gọi là Bất định. Tập chủng trở lên là phần vị không lui sụt nên gọi là Chánh định. Như Nhị thừa ngoài phạm thường bị chìm đắm nên gọi là tà định. Sáu phương tiện trước gọi là Bất định. Nhân pháp trở lên gọi là Chánh định. Cho nên vãng sinh về nước ấy bất luận là ba thừa đều an trụ Chánh định mà không có nhóm khác. Đây cũng không đúng. Bởi nghĩa ba nhóm trái với các giáo lý, nên đúng lý mà nghĩ. Đường lành trở xuống gọi là Tà định, nếu sinh về cõi nước ấy liền an trụ chánh định thì phải vượt Thập Tín mà vào Tập chủng, hông bao giờ có nghĩa này. Nếu sinh về cõi nước ấy mà không vào vị Tập chủng, thì sẽ không có lỗi này. Lại có nhóm Bất định ở cõi ấy, cho nên có thuyết chép: Theo Luận Trung Biên thì Chánh vị Tập khởi đã ở Sơ địa, cho nên Bồ-tát vãng sinh trong đây chỉ là Sơ địa trở lên, là không đúng. Nếu chỉ có Bồ-tát thì trái kinh, vì kinh nói đều có. Vậy cũng nên có nhóm Bất định. Có thuyết chép: Trụ nhóm Chánh định thì đồng với Tiểu kinh (Di-đà) tức đều là A-bệ-bạt-trí. A-bệ-bạt trí tức là không lui sụt. Nên y theo Thập giải của bốn nghiệp thì các giai vị từ tâm thứ bảy



trở lên đều thuộc về không lui sụt. Tuy có hạ vị nhưng nói theo chỗ hơn thì đều thuộc về không lui sụt. Đây cũng không đúng. Đã từ tâm thứ bảy trở lên thì gọi là không lui sụt, tức các giai vị thấp hơn chẳng phải không lui sụt, cho nên có Bất định - nay tức là các giáo khác nói ba thừa đều là cõi uế mà có ba thừa này, cho nên nếu sinh Tịnh độ thì bất luận là phạm Thánh đều chắc chắn hưởng về Niết-bàn, chắc chắn hưởng về hạnh lành, chắc chắn sinh về đường lành, chắc chắn thực hành sáu độ, chắc chắn được giải thoát. Cho nên chỉ có nhóm Chánh định mà không có hai nhóm kia (tức nhóm Tà định và nhóm Bất định).

Mười phương hằng sa cho đến chê bai Chánh pháp, là phần thứ hai, nêu các Đức Phật khen khiến người sinh tâm cầu sinh. Các Đức Phật nói đã cùng khen nghe tên muốn sinh thì sẽ được vãng sinh. Có thuyết nói: kinh này dựa theo nhóm Chánh định nên trừ năm tội nghịch và chê bai Chánh pháp, trong Quán kinh nói nhóm Tà định được sinh, cho nên người gây năm tội nghịch cũng được sinh, là không đúng. Nếu nói người Hạ Hạ sinh sinh về Tịnh độ thì đó không phải Chánh định. Có thuyết chép: tuy gây ra năm tội nghịch, nhưng nếu tu mười sáu pháp quán thì liền được vãng sinh, tức là ý kinh ấy. Nếu chẳng tu mười sáu pháp quán thì tuy có làm các điều lành khác cũng không được sinh. Cho nên kinh này trừ ra, cũng không đúng. Vì Hạ phẩm Hạ sinh cũng tu mười sáu pháp quán thì trái với kinh ấy. Cho nên nay văn này trước đã giải thích nên không cần phải giải thích lại. Mà mười niệm trước đây nói một niệm là quá ít hay quá nhiều cũng là thêu dệt, nên không trái nhau.

Phật bảo A-nan cho đến có ba nhóm kia, là phần ba, nói về nhân vãng sinh khiến người tu sinh. Có hai: Một là nêu chung. Có thuyết chép: ba nhóm trong đây đều sinh về cõi tha thọ dụng, không đồng với sinh chín phẩm của cõi biến hóa trong Quán kinh. Nếu không thể làm các công đức là giả thiết, cho nên mười niệm cũng là nói lời hỏi của Di-lặc là không đúng. Chữ nếu là dấu các công đức khác cũng khiến phát tâm Bồ-đề, kinh nói nếu cũng như các lời nói khác, nên cũng là nói thật. Lại nếu mười niệm tức là không phải phạm phu niệm, thì làm sao chỉ có hai nhóm Thượng trung mà không nói là chỉ có nhóm hạ. Cho nên ở đây hợp chín nhóm kia thành ba nhóm này thì nghĩa cũng chẳng khác. Không nên hỏi gạn rằng trong kinh ấy hai phẩm Trung thượng và Trung trung đều là Sa-môn cũng thấy chân Phật, không phát đại tâm, còn Trung hạ một đời không làm Sa-môn đều không thấy Phật, không phát đại tâm mà nhóm Trung này không làm Sa-môn lại cũng hóa Phật,

nếu có phát tâm Bồ-đề thì nghĩa sẽ trái nhau. Ở nhóm Trung tự có nhiều loại, hai kinh đều nói một loại nên không trái. Nhưng nói phải phát tâm Bồ-đề là muốn nói sinh về cõi ấy phải phát tâm Bồ-đề là để phân biệt rõ với tánh chắc chắn không được sinh. Cho nên sự trái nhau của các văn đều là loại này. Có thuyết chép: Lại có khi vãng sinh mà không phải ba nhóm, nghĩa là trong văn dưới có nghi rằng người có năm trí có tâm nghi ngờ, tu các công đức cũng tin tội phước, nhưng tu ít gốc lành mà nguyện sinh cõi nước ấy, vì lòng tin bất định nên không phải sáu phẩm trước tu ít phước, cũng không phải ba phẩm sau. Do đó mà không thuộc chín phẩm. Đây cũng không đúng, hai ngài Bạch Diên và Chi Khiêm đều chép: Người nhóm Trung nghi ngờ chẳng tin, tuy sinh về cõi ấy nhưng ở trong thành năm trăm năm chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh, chẳng thấy Thánh, thì chẳng thể nói phàm phu nghi trí chẳng thuộc chín phẩm. Có thuyết chép: Chẳng quyết bốn nghi, tuy sinh về nước ấy mà ở biên địa là một loại riêng, không thuộc chín phẩm. Cho nên đừng vọng sinh nghi ngờ. Đây cũng không đúng. Điều hai kinh nói là nhóm Trung Hạ ở trong thành sáu trăm năm thì như kinh này phàm phu nghi trí ở trong cung sáu cũng là biên địa. Nếu không thế thì trái. Vì kinh nói ở trong nhà cửa trên mặt đất nhưng không thể tùy ý khiến to lớn như ở trên hư không, lại cách Phật A-di-đà rất xa. Có thuyết nói người nghi trí Phật tức nhóm Trung này là Trung phẩm của Quán kinh. Theo kinh của Bạch Diên và Chi Khiêm thì nói nhóm Trung là người giữ giới, bố thí, cúng dường Sa-môn, cất chùa xây tháp, sau nghi không tin. Người này lúc tin lúc không, tiếp tục kết nguyện lành mà được vãng sinh. Tuy sinh về nước ấy nhưng không được ở trước Phật Vô Lượng Thọ. Lại nói bị ở ngoài cõi Phật, trong thành sáu trăm năm không được thấy Phật nghe pháp... không phải người nghi trí Phật trong kinh của ngài Pháp Hộ. Đây cũng không phải, hai ngài Bạch Diên và Chi Khiêm cũng nói bậc Hạ ở bên thành năm trăm năm không được thấy Phật, thì làm sao nghi người Trí chỉ ở trong nhóm Trung mà không phải là nhóm Hạ. Nên nói nhóm trung người trí nghi tu nhân giống như thế, nên tuy thuộc phẩm Trung mà không phải Hạ thì cũng có thể nhóm Hạ mà chịu quả giống như Trung phẩm. Cho nên thuộc về quả nghi ngờ trí Phật, tuy giống, nhưng không thuộc nghi trí nhân. Tuy là đồng nhưng sao cho là nghi trí? Lại điều nói trong chín phẩm thì nó thuộc Trung thượng, lý ấy không đúng. Trung thượng của Quán kinh thì trong kinh này là nghi trí, hoa nở thấy Phật nghe pháp được lợi cũng đều khác nhau. Cho nên nếu nói Trung thượng tự có nhiều loại cho nên ở

đây không lỗi, thì đâu chẳng phải Trung hạ cũng có nhiều loại mà thuộc nghi trí? Cho nên nay nghi ngờ năm trí Phật thì thuộc hai phẩm Trung hạ và Hạ thượng, do đây mà hai ngài Bạch Diên và Chi Khiêm đều nói hai nhóm sau ở trong thành năm trăm năm không được thấy Phật nghe pháp thấy Thánh. Hoặc ba nhóm hoặc chín phẩm đều không rộng hẹp, đều thuộc về vãng sinh. Song ba nhóm thì làm lành là bậc Thượng, ngăn ác là bậc Trung, gây điều ác là bậc Hạ thì nghĩ rất đúng lý. ba nhóm ở đây có ba nghĩa riêng: Một là thân tâm khác nhau, tức tâm thì phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm Di-đà, phần nhiều giống như đây, còn thân thì xuất gia là bậc Thượng, ở tục thì bậc Trung, hạ; hai là Tu nhân khác nhau, tức tu đủ các hạnh là bậc Thượng, ít phần tu phước là bậc Trung, xưng niệm danh hiệu Phật ấy mười niệm, một niệm là bậc Hạ; ba là duyên sinh khác nhau, tức Di-đà, Quán Âm chân thân đến đón rước là bậc thượng, hóa thân đến đón rước là Trung, còn mộng thấy thân Phật là bậc Hạ.

Ngài Bạch Diên nói ba nhóm có bốn nghĩa riêng: Một là khác về thân tâm, tức xuất gia và phát tâm Bồ-đề là nhóm Thượng. Ở tục mà tâm chí thành là Trung, hạ; hai là khác về tu hành, tức tu đủ các hạnh, mộng thấy các thánh là bậc Thượng, ít tu các điều lành, ngày đêm không dứt mộng thấy các thánh là bậc Trung. Chỉ dứt ái nộ, niệm Phật mười ngày mười đêm không dứt là bậc Hạ; ba là khác về thấy Phật, tức giống ba thứ này; bốn là khác về thọ quả, tức sinh vào cõi ấy thành A- Duy-việt, ở nhà cửa trên hư không, cách Phật cũng gần là bậc Thượng. Còn ngưng ở thành báu giữa đường, nhà cửa ở trên mặt đất, cách Phật khá xa là bậc Trung, bậc hạ.

Kinh của ngài Chi Khiêm có nhiều điểm giống nhưng có khác là muốn sinh về nước ấy phải treo nhiều cờ phướn, lọng báu, vải mầu, cất chùa xây tháp, cúng dường Sa-môn, phải dứt ái nộ, trai giới thanh tịnh, một lòng niệm Phật mười ngày không dứt chỉ là bậc Hạ mà thôi.

So sánh hai kinh ấy với kinh ngài Pháp Hộ thì bậc Thượng tuy giống nhưng Trung Hạ thì khác. hai phẩm ấy còn nghi tâm, chưa phát đạo ý. Trong đây hai nhóm này đều phát đạo ý tin quyết định - Sở dĩ có khác nhau là vì bản chữ Phạm tuy có đủ, nhưng Bạch Diên và Chi Khiêm chỉ dịch và nghi tin là vãng sinh, còn ngài Pháp Hộ chỉ dịch tịnh tín tu nhân, sau mới bày lỗi nghi của người trí. Cho nên lời tuy trái nhau nhưng lý không khác. Muốn giải thích sự khác nhau của ba nhóm hạnh vị thì giải thích như trước, ở đây không nói lại.

Nhóm thượng ấy cho đến nguyện sinh về nước ấy, là giải thích riêng. Ở đây có ba: Một là giải thích bậc Thượng, có hai: Một là Chánh

giải thích. Có bốn: Một là xưa có tu nhân.

Các chúng sinh ấy cho đến hiện trước người ấy, là phần hai, nói chết có tướng hiện.

Liên theo Đức Phật ấy vãng sinh về nước ấy, là phần ba, có theo Phật.

Liên ở bảy báu cho đến thân thông tự tại, là phần thứ tư nói sinh có được lợi ích. Có thuyết chép: Ba nhóm như thứ lớp, tức trong chín phẩm thì có thượng trung, trung thượng, hạ hạ cho nên kinh ấy nói chỉ trong bảy ngày được không lui sụt, là không đúng. Có thuyết chép: Đây nói trụ không lui sụt, tức Sơ địa trở lên là địa vị không lui sụt - Quán kinh nói ngộ Vô sinh nhẫn được thông trăm pháp đều là Sơ địa. Đây cũng không đúng. Trong kinh ấy nói sinh được không lui sụt tức là Sơ địa. Cho nên nay tức Thượng phẩm tam sinh tuy có nhanh chậm, nhưng đều vào Thập tín mà được vô sinh nhẫn, ngộ trăm minh môn, nên gọi là trụ không lui sụt.

Cho nên A-nan cho đến nguyện sinh về nước ấy, là kết thúc khuyến khích.

Phật bảo A-nan cho đến nguyện sinh về nước ấy, là phần hai, giải thích bậc Trung. Có hai: Một là nêu chung.

Tuy chẳng làm được cho đến nguyện sinh về nước ấy, là giải thích riêng. Có bốn: Một là xưa có tu nhân.

Người ấy khi qua đời cho đến hiện ra trước người ấy, là thứ hai, nói chết có tướng hiện.

Liên theo Hóa Phật mà vãng sinh về nước ấy, là phần ba có chỗ đến.

Trụ không lui sụt cho đến như bậc Thượng, là phần thứ tư, nói sinh được lợi. Theo Quán kinh thì bậc Thượng, Trung, Hạ đều nói có Di-đà tự hiện ra trước người ấy mà chẳng nói là chân thân hay hóa thân, văn đã hết lý.

Phật bảo A-nan cho đến muốn sinh về nước ấy, là phần thứ ba, giải thích bậc Hạ. Có hai: Một là nêu chung.

Nếu không thể cho đến nguyện sinh về nước ấy, là giải thích riêng. Có ba: Một là xưa có tu nhân. Phải phát tâm Bồ-đề, tức là phân biệt với Định tánh không bao giờ hướng về Đại thừa, nên không trái với văn Quán kinh.

Người này khi sắp qua đời mộng thấy Phật ấy là phần hai, nói chết có tướng hiện.

Cũng được vãng sinh cho đến như bậc Trung, là phần thứ ba nói

về sinh được lợi, phối hợp riêng chín phẩm ấy để giải thích, thì e phiền nhọc, nên không chép đủ.

Phật bảo A-nan cho đến khen ngợi việc ấy, thứ hai là nói Đại Bồ tát vãng sinh. Có hai: Một là lược nêu; hai là rộng tụng. Phần một lại có hai: Một là các Đức Phật cùng khen.

Đông phương Hằng sa cho đến cũng giống như thế, là các thánh cao quý cùng sinh. Nói chung, là muốn giúp cho kẻ phàm tiểu thêm ý muốn sinh nên nói nước ấy cao quý.

Lúc ấy, Đức Thế tôn nói tụng rằng, là phần hai rộng tụng. Có hai: Một là tòa văn.

Các cõi nước Phật ở phương Đông cho đến đến hầu Vô Lượng Giác, là Chánh tụng. Có hai: Một là khen Thánh cao quý cùng sinh, tức bài tụng thứ mười lăm; hai là Tụng các Đức Phật đều khen, tức bài tụng thứ mười lăm. Phần một lại có ba: Một là Thánh cao quý đều sinh, lại có hai: Một là tụng phương Đông vãng sinh. Cận là hầu, các quan gặp vua gọi là cận (hầu).

Bốn duy Nam, Tây, Bắc cho đến đến hầu Vô Lượng Giác, đây là nói các phương khác vãng sinh.

Tất cả các Bồ-tát cho đến cúng dường Vô Lượng Giác, là phần hai, nói cung kính tu phước. Có ba: Một là ngoại sự cúng dường.

Thấu suốt thần thông tuệ cho đến đánh lễ Đấng Vô Thượng; hai là nói nội nghiệp cúng dường. Cứu là rốt ráo, Đạt là rốt suốt, đứng bên cạnh nhìn gọi là Du, cùng nguồn gọi là nhập. Đi vào pháp sâu xa là người trí vào sâu. Thông là đi thông qua, tức là có cả thông và trí. Vì phước hạnh tròn đủ cho nên có công đức. Tuệ Hạnh khác lạ sâu mâu nên trí tuệ không ai sánh bằng. Phước là tuệ tư, tuệ là phước đạo, tức là phước trí đều có. Có thuyết chép: Cả hai thứ này đều là khen tự đức của Phật, là không đúng. Thông là phương pháp hay để hóa độ chúng sinh, nên đó nói trí là gốc của thông, thông là dụng của trí. Cũng không đúng. Thông đã là trí của thế tục thì phải có thể dụng. Còn mặt trời tuệ là từ dụ mà gọi tên. ba thứ hoặc, nghiệp, khổ có công năng che lấp chân không và mặt trời, mặt trăng trí tuệ, đồng như mây che mặt trời, mặt trăng trên hư không nên nói là mây sinh tử. Trí Phật là đạt chân, có công năng dứt trừ chướng hoặc, nghiệp, khổ của mình và người nên nói mặt trời trí tuệ, khiến mọi người hiểu biết nên gọi là chiếu thế gian.

Thấy cõi trang nghiêm thanh tịnh ấy cho đến nguyện nước tôi cũng thế, thứ ba, là thấy cõi mà ham cầu. Tâm vô lượng là bốn tâm vô lượng.

Đúng lúc Vô Lượng Tôn cho đến ba vòng rồi vào đánh, là bài tụng thứ ba, nói về nghe pháp sinh trí. Có bốn: Một là hiện tướng phát khởi. Chiếu khắp, cứu giúp không hai, nhiều thân là nhóm hợp đức tròn đầy, cho nên nhiều ba vòng chắc chắn gồm hai đại sĩ - vào đánh là vào chỗ tôn quý nhất trong ba chỗ tôn quý.

Tất cả chúng trời, người, đều hơn hờ vui mừng, là thứ hai, chúng nhìn thấy đều vui mừng.

Đại sĩ Quán Thế Âm cho đến đúng thế xin nói ý, là phần thứ ba, nói Quán Âm thỉnh nói.

Tiếng Phạm như sấm gầm cho đến nay nói nhân giả hãy lắng nghe, là phần thứ tư, nói Như lai đáp lời mời. Có hai: Một là lược nêu và hứa nói. Tiếng Phạm là nêu chung. Tám âm là khen riêng. Như kinh Phạm-Ma Dụ chép: Một là tiếng hay nhất, tiếng êm dịu; hai là tiếng dễ hiểu, tiếng nói luận rõ ràng; ba là tiếng điều hòa, lớn nhỏ vừa chừng; bốn là tiếng êm ái nhẹ nhàng; năm là tiếng không lầm lỗi; sáu là tiếng chẳng phải tiếng nữ, tiếng trầm ấm rõ ràng; bảy là tiếng Tôn tuệ, tức nói có oai; tám là tiếng sâu xa, tiếng nghe xa. Dùng diệu âm này mà đáp Quán Âm nên nói tiếng hòa diệu.

Chánh sĩ mười phương đến cho đến được thọ ký sẽ thành Phật, là phần thứ ba, theo trí hạnh được thọ ký thành Phật.

Thông đạt các pháp tánh cho đến sẽ thành cõi như thế, là phần thứ tư, nêu Trí nguyện được thọ ký thành cõi. Trí pháp như mộng, chớp,... tức là Đế Trí thế tục, thông suốt pháp tánh không, tức là Đế trí thắng nghĩa.

Các Đức Phật bảo Bồ-tát cho đến mau được chỗ thanh tịnh, là phần thứ hai, hai bài tụng nói các Đức Phật khen ngợi. Có hai: Một là Bài tụng nói các Đức Phật khác khen ngợi, tức năm bài tụng, bài tụng sau nói Đức Thích-ca tự khen, tức bài tụng thứ mười. Phần một lại có bốn: Một là khen nghe pháp được độ.

Đến cõi nước trang Nghiêm thanh tịnh ấy cho đến thọ ký thành Đẳng Chánh Giác, là phần thứ hai, khen đặc thông thành Chánh Giác, tức trước thọ ký cho Bồ-tát.

Năng lực bốn nguyện của Phật, tự được không lui sụt, là phần thứ ba khen nghe tên được không lui sụt, tức trước trụ vào nhóm Chánh định.

Bồ-tát khởi Chí nguyện cho đến lại đến nước An dưỡng, là phần thứ tư khen được nguyện cúng Phật. Nguyện được độ như cõi nước Di-đà nên nói nước không khác, tức là nguyện cầu Tịnh độ. Nguyện khi



thành Phật thì đức danh vang xa nên nói danh hiển bày mười phương, tức nguyện cầu thân Phật.

Nếu người không gốc lành, mà được nghe kinh này, là phần thứ hai Đức Thích-ca tự khen. Có ba: Một là khen kinh khó tin; hai là trí Phật khó nghĩ; ba là khuyên khiến phát tâm. Phần một lại có hai: Một là nói khéo nghe, khen kinh nhiệm mầu.

Lại từng thấy Thế tôn cho đến ưa nghe giáo như thế, là nói có người ác chẳng tin nghe để khen kinh sâu nặng. Khen nhiệm mầu; là khiến người bỏ ác tu lành. Khen sâu nặng là khiến bỏ chê bai, sinh tin ưa.

Thinh văn hoặc Bồ-tát cho đến chỉ có Phật biết rõ, là thứ hai nói trí Phật khó suy nghĩ bàn luận. Có hai: Một là Đối với trí Nhị thừa mà khen chỉ có Phật biết rõ.

Nếu tất cả người cho đến như thế rất thanh tịnh, là đối với các Thánh trí mà khen trí sâu xa thanh tịnh, được Đạo là hạnh cao quý. Đạt không là hiểu sâu. Ưc kiếp là thời gian lâu - Cùng lực là nói cùng cực vô biên, khắp mười phương - Vô tế là cùng ba cõi, thanh tịnh là chướng hết. Rốt ráo thanh tịnh đạo quả, nên khen khó suy nghĩ bàn luận.

Tuổi thọ rất khó được cho đến, nếu nghe siêng năng cầu, là phần thứ ba khen khiến cầu nguyện. Có ba: Một là khuyên nghe siêng cầu. Đã lia ba nạn chẳng chịu luống qua. Cho nên tuổi thọ là nương Phật làm duyên tốt, tin tức là hạnh gốc nên nói riêng.

Nghe pháp hay chẳng quên cho đến cho nên phải phát ý, là kế chánh khuyên phát tâm, tức chẳng quên lời Di-đà nói, cũng thấy Phật ấy mà sinh tâm kính trọng, rất vui mừng. Hạnh thuận theo Thích-ca, được Phật Thích-ca che chở nên nói bạn lành của ta.

Nếu lửa đầy thế giới cho đến rộng độ đồng sinh tử, là thứ ba khuyên tâm không lui sụt.

Phật bảo A-nan cho đến tất cả chúng sinh, là phần ba, khen chê được mất để khuyên phạm tiểu - có ba: Một là khen cõi ấy tốt đẹp khiến người ham cầu; hai là nói cõi này uế ác khiến người chán bỏ; ba là cùng nêu hơn kém khiến có tu bỏ. Phần một lại có hai: Một là khen rộng sự vui cao quý; hai là khuyên khiến vãng sinh. Phần một lại có tám: Một là khen tuổi thọ dài lâu - một đời là đời rốt sau trong năm đời, sinh quyền thật bất định. Thật tức là đối với Trí Ma-hê-thủ-la mà sinh quyền cũng có hai thứ khác nhau. Nếu ở cõi uế thì sinh ở Diêm-phù-Đề gọi là một đời. Nếu sinh Tịnh độ tức một đời thành Phật gọi là một đời. Nay muốn phân biệt thật, nên gọi là Bồ xứ, nếu có nghi thì nói Bồ-tát ở cõi ấy.

Nếu đều Bồ xứ thì chẳng cần du hóa. Cho nên giải thích là trừ có bốn nguyện, đều không lui sụt nữa chừng.

Này A-nan, cõi nước ấy cho đến thế giới Đại thiên, là phần thứ hai nói ánh sáng đặc biệt lạ lùng. Có hai: Một là nêu ánh sáng khác nhau. Ngọc Thiên nói một tâm là tám thước. Lại nói bảy thước, đây hình như không đúng, tức đồng với nhận.

A-nan bạch Phật rằng cho đến hóa sinh về cõi ấy, đây là nói sau đó càng khó, đã nói ở cõi này tu hạnh Bồ-tát tức là biết vua Vô Trách Niệm ở cõi này. Bảo Hải cũng thế.

Này A-nan cõi ấy có cho đến ba mươi hai tướng, là phần ba nói thân tướng đầy đủ. Về đẹp bất định nên không nói.

Trí tuệ đầy đủ cho đến vô sinh pháp nhẫn, đây là phần tư nói trí đức tốt đẹp. Có thuyết chép: Chứng hội pháp tánh nên nói vào sâu các pháp hiểu suốt lời nhiệm mầu, nên nói biết hết chỗ sâu xa. Đây hẳn chẳng đúng. Chúng sinh sinh về nước ấy được hai trí này nên chẳng phải phạm tiểu. Nay tức nhập các pháp là ngộ sở thuyên. Sướng yếu diệu là nhân năng thuyên. Có thuyết chép: Các căn là năm thứ tìn..., là không đúng. Tìn... tức là Độn căn, nay tức là sáu căn. Có thuyết chép: Hai nhẫn tức là hai nhẫn sinh, pháp, lại là nhẫn đầu trong năm nhẫn. Vô sinh nhẫn tức là nhẫn thứ tư. Đây e không đúng. Vô sinh pháp nhẫn tức là sinh pháp nhẫn, vượt trên thuận nhẫn nên nói là vô sinh, không có lý do khác. Nên nay tức là bậc trung, hạ chỉ được âm hưởng, người được Vô sinh nhẫn rất nhiều không thể tính đếm, hai nhẫn âm hưởng và nhu thuận, thuộc về thượng phẩm, không thể đếm hết người được Vô sinh nhẫn nên nói không thể đếm. Đã có lợi độn thì phải có phạm địa, nhưng không phải căn tánh lợi độn.

Lại Bồ-tát ấy cho đến như nước ta vậy, là phần thứ tư nói phản tích địa.

Phật bảo A-nan cho đến không trái, không lỗi, là phần tám nói hạnh đức đầy đủ. Có hai: Một là khen riêng; hai là kết chung. Phần một lại có bảy: Một là tu hạnh lìa lỗi. Có ba: Một là là hóa hạnh lìa lỗi, tức là thuận trí tuệ Phật Di-đà.

Ở cõi nước ấy cho đến không có tâm mê đắm, là phần thứ hai, nói tự hành không lỗi. Có hai: Một là tu tự hạnh. Có sáu: Một là tu thí hạnh. Lìa kiến nên không có tâm ngã sở, lìa ái nên không có tâm đắm nhiễm.

Tối lui đi đứng cho đến không giành, không cãi, là phần thứ hai nói tu giới hạnh. Lìa lỗi thân nên đi đứng tối lui không bị vướng mắc,

tùy ý tự tại. Lìa lỗi ý nên không đối địch, không kia không đây, Pháp sư vị chép: Thích là đi, mặc là ngừng. Nếu thế đi đồng với đi và ngừng, lìa lỗi thân. Nay luận ngữ nói trong thiên hạ không thích mặc, vậy thích là thân, mặc là sơ. Lìa lỗi miệng nên không tranh cãi giành giựt, mình người đều dứt, nên không có giành cãi.

Đối với chúng sinh cho đến lìa cái, được thanh tịnh, là phần ba, nói tu Nhẫn hạnh. Không tức giận, nên mềm mỏng dịu dàng. Không kiêu mạn nên điều phục. Sân nhuế đã không khởi thì phần hận cũng ngừng. Do đây cũng lìa năm cái mà thanh tịnh.

Không có chán lười cho đến thắng tâm, thâm tâm, là phần thứ tư nói tu cầu hạnh. Cầu điều lành không ngừng nên không biếng lười, không hạnh nào chẳng tu nên nói Đẳng tâm, không đặt chân xuống nên gọi là Thắng tâm, không lui sụt nên nói thâm tâm.

Định tâm, là phần năm, nói tu định hạnh, lìa các tán loạn, nên nói là Định tâm.

Tâm Ái pháp, Lạc pháp, Hỷ pháp, là phần sáu, nói tu tuệ hạnh. Có thuyết chép: Ái là dục, Lạc là tín, Hỷ là tham. Có thuyết chép: Ái là trọn thành, Lạc là khi nghe. Hỷ là khi cầu. Cả hai đều không đúng. Dục tín... tức là thí giới... các hạnh quyền thuộc, lấy chung mà hưởng thì không khác, do đó như thứ lớp. Nay tức là Văn tuệ Ái lạc nên nói là Ái pháp tư tuệ. Đắm vị nên nói là Lạc pháp tu tuệ. Nhuận thân nên nói tâm vui (Hỷ tâm).

Tâm diệt các phiền não, lìa các đường ác, là phần thứ hai nói lìa lỗi. Có thuyết chép: Nhân hết nên diệt phiền não, quả hết nên tâm lìa đường ác, là không đúng. Quả không phải chỉ do tâm. Nên nay ngay nơi lìa hoặc là lìa phiền não, nghiệp hết nên tâm lìa đường ác.

Rốt ráo tất cả việc làm của Bồ-tát, là phần thứ ba kết chung.

Thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, là phần hai nói thành đức đầy đủ. Có hai: Một là khen chung.

Được Thiền định sâu cho đến hiểu rõ pháp tánh, đây là khen riêng. Có hai: Một là Thành tựu tự đức; Thiền định thông minh tuệ bảy giác, là đức đã thành. Thiền là bốn Thiền, định là bốn không. Thông là sáu thông minh là ba minh, tuệ là ba tuệ. bảy giác cũng ở giai vị kiến đạo, vì tiến cầu đức của Phật mà tu tâm cầu đức Phật pháp. Đức tuy có vô lượng nhưng lược nêu có năm. Nhục nhãn và thiên nhãn đều dùng tịnh sắc làm thể. Nhục nhãn ở cõi ấy thấy chung cả các sắc ở vô số thế giới. Nên nói thấu suốt những gì nhìn thấy. Xét thật nên đều hiểu rõ. Có thuyết chép: Nhục nhãn thấy chướng nội sắc, là không đúng, vì trái

với sự trong suốt rộng rãi. Nên nay nếu xét thấy sắc tượng hiện tại thì gọi là nhục nhãn. Nếu nhục nhãn nương định mà phát thì chúng ta thấy chúng sinh chết đây sinh kia. Nên gọi là Thiên nhãn. Sự thấy biết rộng nhiều nên nói vô lượng, cũng là rộng xa nên nói vô hạn. Pháp Nhãn lấy trí làm thể nên thấy được căn dục tâm tánh của chúng sinh và các Phật pháp, nên gọi là pháp nhãn. Biết khắp ba thừa Đạo pháp khác nhau nên nói là rốt ráo các Đạo. Tuệ nhãn tức lấy không trí làm thể mà xét chiếu lý chân không nên nói thấy chân - cùng nguồn cội chân lý nên nói vượt đến bờ kia, Độ là đến. Phật nhãn tự có hai thứ chung và riêng. Riêng thì trí Nhất thiết chủng làm thể, không pháp nào chẳng chiếu soi nên nói là đầy đủ. Cũng thấy Phật tánh nên nói giác pháp tánh. Chung tức là bốn nhãn trước Phật đều có, xem cảnh đồng hết nên gọi là biết đầy đủ.

Dùng trí vô ngại giảng nói cho người nghe, là nói đức Thánh hóa tức là bốn vô ngại biện, nói pháp cho người nghe.

Quán ba cõi bình đẳng cho đến nạn phiền não, là phần ba nói tu đầy đủ. Có hai: Một là tu hành, quán ba cõi không Vô, là bỏ sinh tử hạnh dục... là cả ba cõi không có cõi nào chẳng không, nên nói là quán bình đẳng. Chí cầu Phật pháp tức là ưa thích hạnh Bồ-đề. Đủ biện tài tức là đức lợi tha, tức là bốn biện tài v.v... diệt nạn phiền não là lợi ích hóa tha.

Từ Như lai sinh cho đến hai kia đều hết, là nói tu thành. Có hai: Một là tự hạnh thành. Lại có hai: Một là giải hạnh đều thành. Có thuyết chép: Từ Như lai sinh hiểu pháp như như là lý giải khéo biết Tập Diệt. Phương tiện là giáo ấy giải thích. Nhờ Như lai giáo hóa mà sinh hiểu tất cả pháp đều tức là như, cho nên nói từ Như lai sinh hiểu pháp như như. Giáo tu lành gọi là Tập âm thanh, giáo dứt ác gọi là Diệt âm thanh. Đối với đây mà khéo hiểu khéo biết nên gọi là khéo biết phương tiện. Đây cũng bất tận, giáo giải cũng từ phương pháp sinh. Có thuyết chép: Tập tức Tập đế, ý cũng gồm khổ, Diệt tức Diệt đế, nói gồm cả Đạo. Nhân quả liên quan nhau, nên nói giáo bốn đế tức là âm thanh phương tiện. Đây cũng không đúng. Tập tuy hẳn là khổ, nhưng khổ chưa hẳn phải có Tập, Diệt khác với Đạo vô vi, chẳng thể xếp Tập Diệt vào Khổ Đạo. Cho nên nay tức từ Như lai sinh là nêu chung Bồ tát được hiểu, lý do hiểu pháp như như tức nêu ngộ riêng, không phải là trí an lập chân. Khéo biết tập diệt, tức hiểu riêng luận ngộ an lập Đế. Tập Diệt là nêu nhân nhiễm mà tịnh quả nói bất tận. Thật dứt các tướng mà nói bốn đế, chỉ có giáo lập ra nên nói là âm thanh phương tiện, nhờ Thánh giáo mà khéo hiểu nên không ưa thích thế gian, thích nói Chánh luận. Có thuyết

chép: Lìa bốn lỗi của miệng nên không ham lời của thế gian, chỉ nói bốn Thánh giáo mà ưa thích chánh luận, không đúng. Tưởng thật lời Thánh thì không phải là Chánh luận, tức là giải thành tự. Tôn sùng Phật đạo, là cầu tâm Bồ-đề. Biết pháp vắng lặng là tu hạnh đối trị, hai dư đều hết, là hạnh trừ chướng khổ. Có thuyết chép: Sinh thân là Báo dư, phiền não là phần Đoạn dư. Sơ Địa trở lên thì hết Biến dịch, hai dư sẽ hết. Có thuyết chép: hai dư phiền não và Tập đều hết. Cả hai đều không đúng. Trong bảy Địa trước thì cũng chịu phần đoạn, phiền não Dư khí gọi là dư, Tập thì không phải phiền não nên như thứ lớp. Nay sinh thân còn, Báo khổ nhân phiền não, nhân dư và quả dư đều đã hết, tức là Hạnh thành.

Nghe pháp sâu xa cho đến thường hay tu hành, là nói giải hạnh đều tu. Có thuyết chép: Đối với sâu xa mà hiểu được cho nên chẳng nghi, đối với sâu xa mà vào được nên chẳng sợ, là không đúng. Vừa vào vừa hiểu, cho nên nay tức tin được giáo sâu nên chẳng nghi, hay giải thâm nghĩa nên chẳng sợ. Tu giải là đó. Phải tu hạnh tức là tiến tu hạnh, nghe thì tu tập mà không để đứt quãng, nên nói là thường tu.

Các Đại bi ấy cho đến đều che chở, là nói hóa hạnh thành tự. Sâu xa nhiệm mầu, là khen tâm sâu nặng. Đều che chở là khen cứu giúp khắp, là không đúng. Chỉ có bóng mát từ Bi, cũng giúp ra khỏi sinh tử, nên nói là chở.

Rốt ráo nhất thừa cho đến vào bờ kia, đây là phần thứ tư thành đức kỳ diệu. Có hai: Một là thành tự tự đức; hai là thành tự hóa đức. Phần một lại có hai: Một là Tu điều lành cao quý. Có ba chặp: Một là cặp Trí đoạn: Nhất thừa, tức là Trí tuy có ba thừa nhưng rốt cục không có hai thứ kia, cho nên nói nhất thừa. Có thuyết chép: Đối với nhất thừa này gọi là cùng cực, là rốt ráo, đến quả Niết-bàn, nên đến bờ kia là không đúng. Nếu cùng cực nhất thừa đến Niết-bàn thì không phải Bồ-tát. Cho nên nay tức sự tín hiểu này tốt cùng, nên gọi là rốt ráo - bờ kia tức là đoạn, đã đoạn thì trí chướng vô vị, nên nói là đến bờ kia.

Quyết xé rách lưới nghi cho đến trùm hết không gì ngoài, là nói cặp lý giáo. Hiển bày thật để trừ vọng nên nói là xé rách lưới nghi. Thân giải phát bày nên nói Tuệ do tâm sinh ra. Tâm là nghĩa trung thật, tức là Tuệ chứng lý, thấu suốt không gì sót nên nói là bao trùm không gì ngoài, tức là thấu suốt giáo giải. Có thuyết chép: biết Tuệ vô ngã không từ ngoài đến, nên Tuệ do tâm sinh ra. Biết giáo từ tâm hiện nên bao trùm không ngoài. Ở đây cũng chưa hết. Tuệ vô ngã từ Phật hóa sinh, hiện tâm trong giáo là không đúng. Chánh giáo là tánh nên không

thể nói từ tâm xuất hiện thì biết tâm là trung thật, không gì ngoài, Vô dư tức là giáo trí.

Trí tuệ như biển lớn cho đến cũng như núi Tuyết, là nói cặp Định tuệ. Tuệ sâu rộng như biển, Định cao quý như núi. Cho nên Tuệ có dụng sáng sạch hơn mặt trời mặt trăng, Định có đức cao đầy hơn núi Tuyết.

Chiếu các công đức bình đẳng, duy nhất, thanh tịnh, là nói sự cao quý của dứt trừ chướng. Có hai: Một là nêu chung. Pháp sư Vị nói dưới có hai mươi câu đều nói về tuệ. Song Tuệ chẳng lìa Định, nên nói Định tuệ lìa chướng là cao quý, không có một đức nào chẳng lìa nhiễm, cho nên nói bình đẳng, duy nhất, thanh tịnh.

Cũng như đất bằng cho đến không có nhiễm ô, là giải thích riêng. Có ba cặp: Một là cặp Sở nhân sở khởi, tức tâm khác là hai chướng sở nhân phi lý mà tác ý cấu nhiễm, như thứ lớp mà tác ý khởi trí, hoặc, chướng; hai là Năng y sở y đối, tức là phiền não chướng ngại, như thứ lớp là hai chướng hoặc và cặp Trí làm năng y sở y; ba là cặp Vô trước vô nhiễm, tức là đối với ba hữu mà mê đắm cũng là Sở trí chướng, nhiễm ô chỉ là hoặc.

Cũng như chiếc xe lớn cho đến Đại Từ..., là phần hai nói nói về hóa đức thành tựu. Có mười ba câu lược làm sáu cặp: Một là cặp xuất phàm nhập Thánh, tức là ba câu đầu. Thừa là xe. Chúng sinh là phàm phu và Nhị thừa, chở phàm tiểu ra khỏi hai thứ tử. Nghe quyền thật mà thấm nhuần mầm giống lành; hai là cặp Tức Tà Tựu Thiện, tức hai câu kế; ba là cặp Phổ Phúc Hy Kiến tức là hai câu kế; bốn là cặp Tồi Tà Quy Chánh: tức hai câu kế, không có chứa nhóm tức là dòng thánh; năm là cặp Vô Thắng Vô Nhiễm, tức là hai câu kế. Không điều lành nào hơn được, điều phục các nhiễm; sáu là cặp Vô úy Hữu lân, tức là hai câu sau. Không tà nào đáng sợ, thương mà không ưa thích.

Đẹp bỏ tâm ganh ghét cho đến tu sáu hòa kính, là phần năm nói hạnh tu thêm tiến. Có hai: Một là tu hạnh tự phần; hai là tu hạnh thắng tiến. Phần một lại có hai: Một là tu hạnh phương tiện. Đẹp trừ tâm ganh ghét tức là phương tiện lợi tha, vì nếu có ganh ghét thì chẳng thể làm lợi ích chúng sinh. Cầu pháp không đủ tức là tự lợi phương tiện. Vì nếu có thoả mãn thì không thể tiến tu; ba là siêng tu Chánh hạnh, tức là thường Chánh hạnh, thường muốn nói rộng, tu hạnh lợi tha tâm không lười mỏi. Muốn nói rộng là nói tâm cao quý. Đánh trống pháp... là những điều nói cao quý. Chiếu sáng mặt trời trí tuệ... là sự lợi ích cao quý. Chiếu ba mặt trời trí tuệ để xua tan ngu si. Tu sáu hòa kính tức là hạnh tự lợi. Tu ba nghiệp: kiến, giới, lợi đều đồng, nên tôn kính lẫn nhau, tình không trái

khác, nên gọi là sáu hòa kính.

Thường làm pháp thí cho đến đạo các thần thông, là phần hai nói tu hạnh thắng tiến. Có ba bậc: Một là thắng tiến, mới đầu thường hành pháp thí lợi tha. Ban đầu chí mạnh không yếu, tự lợi làm đầu; hai là thắng tiến làm đèn sáng, ruộng phước trong lợi tha. Giúp cho người hiểu nên nói đèn sáng ở đời. Cũng làm cho người phát sinh điều lành nên nói ruộng phước cao quý. Dùng tuệ khai hóa nên nói Đạo sư, phước lợi chẳng khác nhau nên không sinh yêu ghét. Vui đạo không ham lo, tức tu điều lành trong tự lợi, nên nói vui Đạo. Trừ lỗi nên không sót; hai là Sau tu thắng tiến thành tựu, tức là nhổ gai ái dục, là hạnh lợi tha thành tựu, dạy khiến lia lỗi cho nên giúp an được chúng sinh. Dạy theo điều lành nên kính đức cao quý. Diệt ba cấu thì tự hạnh thành tựu. Diệt tham sân... nên đoạn hạnh thành tựu. Đạo chơi trong thần thông nên hạnh đức thành tựu. Có thuyết chép: Ba cấu tức là phiền não nghiệp, khổ, là không đúng. Vì nghiệp khổ chưa hẳn là cấu.

Năng lực nhân, năng lực duyên cho đến các năng lực thông minh, là phần sáu nói các năng lực đầy đủ. Có ba: Đây là một tự lực đầy đủ. Có bảy cặp: Một là cặp nhân duyên. Tức năng lực nhân, năng lực duyên đời trước. Gốc lành gọi là năng lực nhân, gần gũi bạn lành mà nghe pháp gọi là năng lực duyên; hai là cặp ý nguyện, tức năng lực ý năng lực nguyện. Có thuyết chép: Tâm cầu Phật là năng lực ý, nguyện khởi làm là năng lực nguyện. Có thuyết chép: Phát tâm Bồ-đề là năng lực ý, mong cầu quả Phật là năng lực nguyện. Cả hai đều không đúng. Cầu nguyện khởi hạnh nói khác nhưng nghĩa là một. Nên phát tâm Bồ-đề tức mong cầu quả Phật. Theo thứ lớp thì nay thì đúng lý tác ý gọi là năng lực ý, cầu tâm Bồ-đề gọi là năng lực nguyện; ba là cặp chung riêng, tức năng lực phương tiện là chung. Năng lực thường, năng lực điều lành là riêng. Tu không xen hở là năng lực thường, pháp ác không xen là năng lực điều lành, hai năng lực này gia hạnh khéo léo nên gọi là năng lực phương tiện; bốn là cặp chỉ quán: Tu chỉ hạnh thành tựu nên gọi là năng lực định, quán hạnh thành tựu nên gọi là năng lực tuệ; năm là cặp văn hành, tức năng lực học rộng là tu giải, sáu độ như thí... là tu hạnh; sáu là cặp Niệm Định: Tức niệm khiến tướng là năng lực Chánh niệm, dứt loạn chứng thật là năng lực Chánh quán. Hoặc có bốn nói Chánh định chỉ quán. Pháp sư Vị giải thích rằng chỉ là định, quán là tuệ. Chánh quán là đó. bảy là cặp thông minh, năng lực thông là sáu thông, năng lực minh là ba minh.

Năng lực đúng pháp điều phục các chúng sinh, là phần hai, nói về

Hóa hạnh thành tựu.

Các năng lực như thế đầy đủ tất cả, là kết chung.

Thân sắc đẹp đẽ cho đến vô lượng các Đức Phật, là phần thứ bảy nói các đức tốt đẹp. Có bốn, đây là một tự đức tốt đẹp.

Thường được các Đức Phật cùng khen ngợi, thứ hai là nói hạnh thuận theo các Đức Phật.

Rốt ráo Bồ-tát cho đến các môn tam-muội, là thứ ba, nói giải hạnh đầy đủ, tức sáu độ là hạnh, tam-muội là giải. Có thuyết chép: Thấy các pháp sinh thì, biết chẳng diệt, thấy các pháp diệt thì biết chẳng sinh. Nên nói chẳng sinh diệt, là không đúng. Đã thấy pháp sinh thì biết có diệt, sinh là nhớ một bề về diệt. Cho nên nay tức ngã pháp là không, vì không nên vô tướng, vì vô tướng nên vô nguyện. Do đó mà không thấy có sinh diệt.

Xa lìa giai vị Thịnh văn, Duyên giác, là phần thứ tư nói hạnh vượt cao hơn Nhị thừa.

Này A-nan, các Bồ-tát ấy cho đến chẳng thể cùng tận, là phần hai, kết khen.

Phật bảo Di-lặc cho đến chẳng thể kể hết, là phần thứ hai, khuyên người vãng sinh. Có hai: Một là kết nhân và cõi cao quý; hai là Chánh khuyên vãng sinh. Phần một lại có hai: Một là kết người có đức cao quý.

Lại nước ấy cho đến thanh tịnh như thế, là kết cõi vui cao quý.

Sao chẳng gắng sức làm cho đến lên Đạo vô cùng cực, là phần hai, Chánh khuyên vãng sinh. Có hai: Một là khen thẳng vãng sinh sao chẳng có gắng làm điều lành là khuyên tu nhân vãng sinh, lực là cố gắng hết sức. Trời, người, bậc thánh, cõi nước đều nhiệm mầu, há chẳng cố gắng làm lành nguyện sinh? Lại lực là nói cố gắng về Đạo. Tự nhiên là tu được lợi, nhân lành đã thành tựu nhưng không cho là được quả nên nói nghĩ tự nhiên. Chỉ nghĩ Đạo hạnh đức mà nương vào chẳng phân biệt sang hèn đều được vãng sinh, nên nói nương vào không trên dưới. Chữ niệm là đọc dài. Có thuyết nói: Là rộng suốt, là hiểu rõ thông suốt. Không bờ mé là thật tướng, không có ba cõi để tìm. Thật tướng đã là gốc của Tịnh độ, người vãng sinh phải hiểu rõ nguồn cội, nên phải thấu suốt là không đúng. Cùng nguồn thật tướng thì phạm phu chẳng được vãng sinh Tịnh độ, chỉ phải là bậc Thánh. Nên nay được sinh về cõi ấy thì thần trí rộng suốt không có bờ mé. Đi là bỏ, bỏ uest độ. Có thuyết chép: Năm đường ác là ba đường và phi thiên cùng người nữ. Vì người nữ là gốc đường ác. Lại văn sau nói năm điều ác tức năm đường



là không đúng. Không có chỗ nào nói đường người nữ. Cho nên năm ác là Nhân chẳng thể nói đường. Nên nay tức trời, người tuy gọi đường lành song ở Tịnh độ cũng gọi là đường ác, nên nói năm đường ác. Ở cõi uế này trước dứt bỏ kiến hoặc là nhân quả lìa ba đường. Sau mới dứt tư hoặc là dứt Nhân quả trời, người. Nếu sinh về Tịnh độ thì năm đường ác sẽ bỏ ngay, nên nói là cắt ngang. Cắt là quả tự đóng, nhân ấy được Đạo sâu rộng nên nói là không cùng tận.

Đễ đến mà không người cho đến hưởng vui vô cùng cực, là rất thương xót khen ngợi. Tu nhân liền vãng sinh cho nên dễ đến mà không người, tu nhân vãng sinh ít hiếm nên không có người tu nhân cầu sinh, không hề trái nghịch nên nước chẳng nghịch trái, tức trước dễ đến. Thói quen cũ cột trói cho nên tự nhiên bị cột trói, không đến nên tự nhiên bị cột trói, tức vãng sinh không người. Có thuyết chép: nhân mãn quả chín không cần dụng công tự nhiên vơi đến, nên tự nhiên trói cột nghĩa cũng được. - Đạo đức là nhân, hưởng vui là quả. Thọ là thụ, chịu. Hỏi: Tu Tịnh độ và nhân Đâu-suất cái nào khó? Đáp: có thuyết nói Đâu-suất là cõi Tịnh độ chẳng cột trói, cho nên sinh Tịnh độ dễ hơn Đâu-suất, là không đúng. Hễ nói cõi thì đều là chỗ trôi lăn. Còn Tịnh độ Tây phương là chỗ xuất ly nên khó tu, nghiệp trôi lăn dễ làm nhân xuất ly, hẳn trái với Chánh lý. Có thuyết chép: xưa nay các bậc đạo đức tu hạnh Đâu- suất đều cho Tây phương là khó sinh nên chẳng dám tu. Nay dùng bảy nghĩa chứng minh Tây phương dễ sinh.

1. Chỉ tu ít trong một thời gian ngắn, tức quán kinh nói ba phẩm khi sắp qua đời chỉ một niệm cho đến mười niệm thì đều vãng sinh; hai là vì các Đức Phật đều che chở, tức kinh xưng tán cho rằng các Đức Phật sáu phương che chở v.v...; ba là vì ánh sáng nhiếp thọ, tức Quán kinh nói: Nhiếp thủ chúng sinh niệm Phật chẳng bỏ; bốn là nương Bồ đề nguyện của Phật, tức kinh này nói Phật A-di-đà có bốn mươi tám thế nguyện lớn; năm là Phật ấy đến đón rước, tức văn trên chép: Ai nguyện sinh về nước ta mà ta không đến đón rước thì ta không thành Chánh giác; sáu là Được trợ niệm, tức là khi sắp qua đời, người đồng hạnh cùng trợ niệm mà đưa đi; bảy là bậc Thánh nói dễ sinh, tức là văn này nói dễ đến mà không người, nước ấy chẳng trái nghịch. Nay xem lời giảng này là lý sinh dị, hẳn là không đúng. Vì Di-lặc cũng có thế nguyện: Có ai sinh về cõi trời ấy thì Di-lặc sẽ phát ra ánh sáng đến đón thì cũng giống như Di-đà. Một phen xưng niệm đức hiệu còn được sinh lên cõi trời huống chi là cũng mười niệm kẻ đồng hành cũng sẽ giúp nhau mà chẳng nói không người. Cũng không nói chỗ đó là ý lúc khác vì muốn hóa độ kẻ

biếng lười. Không một chúng sinh nào chẳng có nghiệp ấy (lười biếng). Cho nên từng đã sinh thì cũng sẽ được sinh. Người trí chẳng thể nói sinh Tịnh độ dễ vãng sinh hơn Đâu-suất. Nếu dễ sinh thì quả sẽ chẳng cao quý hơn. Cho nên nay Tây phương tuy là rất khó, nhưng người chuyên cầu vãng sinh thì một niệm cho đến mười niệm đều được vãng sinh, tức là dễ sinh trong khó sinh. Nghĩa bên chỉ để giải thích cho bản văn.

Song người đời bạc bẽo cho đến là việc chẳng gấp, là phần hai nói Ta-bà ước ác khiến người chán bỏ. Có bốn: Một là nói lỗi phiền não; hai là khuyên khiến tu bỏ; ba là nói lỗi tội nghiệp; bốn là lại khuyên tu bỏ. Phần một lại có ba: Một là nói về lỗi tham; hai là nói lỗi sân; ba là nói lỗi ngu si. Phần một lại có hai: Một là nêu chung. Gấp hướng về. Người thế tục bạc bẽo ở đời vì tâm tham dục tranh giành nhau ở đời không gì hơn năm dục.

Đối với sự khổ cực dữ dội này cho đến không có lúc nào yên, là giải thích riêng. Có hai: Một là nêu chung lỗi tham; hai là nói riêng lỗi tham. Phần một lại có ba: Một là khổ tìm cầu. Cầu là khổ, doanh là hộ, che chở, cấp là cho, tức vì thân mà cố cầu - không tôn ti giàu nghèo là người mong cầu, lớn nhỏ, nam nữ là người phải làm, tức là cầu cho người khác. Có thì sợ mất, không có thì muốn được, đều lo lắng không khác, nên nói có, không giống nhau. Thích là bèn, vừa. Bình là đóng, lấp. Doanh là tên gọi huyết khí như mạnh ưu lo thì hơi bị lấp khó thở, tức tâm khổ. Bị tâm sai khiến như con nai khát thấy nước ở sa mạc (do hơi nóng tạo ra, ảo giác) mắt nhắm thấy hoa đốm trong hư không đều do nước ái của tâm, không có hoa thật mà chạy tìm, tức là thân khổ.

Có ruộng lo ruộng cho đến lo buồn sâu sợ, là nói khổ do giữ gìn. Có thuyết chép: Thập vật là của cải. Ở thế tục của cải là ruộng vườn nhà cửa, trâu ngựa, tiền của, y thực, gà vịt, tôi tớ... xuất gia thì có sáu vật. Cung cấp cho thân là một trăm lẻ một thứ. Tuy có hai cách giải thích nhưng đều không có y cứ chuẩn xác. Tức nay y theo Tịnh Truyền nói có ba y mười vật, là do ý người dịch chia làm hai chỗ không theo bản chữ Phạm nói riêng ba y, ở đây mở làm thập vật, nói là tạp vật, không hợp với ý trước. Cho nên mười ba Đổ-đa chỉ chế có mười ba vật dụng gồm cả trung hạ, cung cấp cho thân. Còn một trăm lẻ một vật thì chưa thấy văn luận. Kinh tuy có nói nhưng là ý, lúc riêng. Do đây các tăng tục quan nhân ở phương Tây mặc y phục chỉ có hai xấp vải trắng, còn kẻ nghèo hèn thì chỉ có một xấp. Theo phép người xuất gia chỉ có ba y sáu vật. Có người thích nêu rộng ra là xứ này dùng mười ba vật.

Ngang trái Vô thường cho đến không buông bỏ, là nói khổ mất

mát. Có hai: Một là khổ mất tiền của, túng là sợ sệt, tâm loạn động.

Hoặc bị nghiền nát cho đến chẳng có ai theo, đây là nói khổ mất thân, không ai theo tức là không một vật nào theo mình.

Giàu sang tôn quý cho đến đau đớn cùng, là phần thứ hai nói riêng lỗi tham. Có hai: Một là mượn giàu sang nói lỗi tham. Nói lạnh là có tám địa ngục lạnh. Nóng là tám địa ngục nóng, vì chịu nóng lạnh là khổ tầm thường nên ở chung với đau khổ. Thống là chịu. Đây e không đúng. Thân hiện đời và khổ sau này không thể nói hết. Nay tức là sợ sệt buồn lo nóng lạnh và đau đớn lẫn lộn. Hoặc có bốn kinh nói khi chết bị nóng lạnh v.v... e là sai.

Nghèo cùng thấp kém cho đến trọn đời yếu mạng, là dựa vào nghèo cùng để nói lỗi tham. Có hai: Một là chỉ rõ hiện khổ. Có một thiếu một, là có ruộng thì thiếu nhà, có đó thiếu đó là tùy có ruộng mà không đủ. Lo có cho bằng là lo cho bằng người giàu sang.

Không chịu làm lành cho đến không thể biết được, là nói khổ sau.

Người ở thế gian cho đến đền trả cho nhau, là phần hai nói lỗi sân. Có ba: Một là kết oán đền trả nhau. Gia thất, chồng gọi vợ là gia, vợ gọi chồng là thất. Tuy có lời này e không đúng. Sau lại hiểu vô là không, hoạn là não. Tinh thần là hạt giống thức. Khắc là yếu, thức là nhớ. Do trước kết hận thành hạt giống oán nên dẫn quả không cần dụng công, nên nói tự nhiên lại đền trả nhau.

Người ở thế gian cho đến lại còn gặp nhau, là nói già biệt thì dễ mà gặp nhau thì khó. Đương là theo, hạnh là nghiên. Tự đương là tự chịu. Thiện biến hóa tức là quả báo đường ác. Ác biến hóa tức là quả báo đường lành. Dự là nghịch, nghiêm là tu. Do đời xưa nghịch tu nghiệp thiện ác nên có báo khổ vui. Lại nghiêm nhiên, là tùy nghiệp thiện ác xưa mà Thiên đường, địa ngục nghiêm nhiên đứng đợi - Yếu yếu là lúc thân trung hữu, minh minh là lúc sinh hữu (lúc sinh).

Sao không bỏ các việc cho đến còn muốn vui nào, là nói sau muốn khuyên tu bỏ. Muôn là kịp, Diên là kéo dài không phải nghĩa ở đây. Đãi là dừng. Pháp sư Vị nói đợi việc gì là muốn vui nào nữa.

Người đời như thế cho đến lại tự thấy, là phần ba nói lỗi si. Có ba: Một là tự không chánh tín. Tọa là do. Do không tin, chuyên chấp ý kiến riêng của mình, tức là lỗi.

Nhìn nhau cho đến không lấy làm lạ: Là nói do thói quen không tin, khiến cũng là dạy. Tố là xưa, không làm lành là không làm hạnh nào, chẳng biết đạo đức là chẳng hiểu. Thân là sắc căn, Thần là tánh,

tâm là quả, Ý là căn, thú là quả, Đạo là nhân. Tức nhân quả thiện ác ở đời đều không biết, không lấy làm lạ là không thắc mắc.

Sinh tử Đạo thường cho đến rất đáng thương, chính là nói lỗi si. Có hai: Một là đối cha con mà nói lỗi. Có thuyết chép: Trẻ chết sớm, già chết sau. Nên nói điên đảo không quả báo, trên dưới chết giống nhau. Nên nói trên dưới là không đúng. Nếu lời ấy phải chép: điên đảo chẳng quả báo người trên, người dưới. Nay, điên đảo tức nghĩa là lằm lẩn, trên là bay lên, dưới là rơi xuống, năm đường lằm lạp, hoặc bay lên đường lành hoặc đọa xuống nẻo ác, nên nói trên dưới. Cội gốc Vô thường tức là không có một gốc nghiệp nào thường còn. Đương là chịu. Mông là chẳng sáng, minh là tối mù, không biết. Mông là mắt có trông mà không thấy. Lại mông lung cũng là không thấy để chống lại, tôi là ngang ngược, lang là lỗi tham.

Hoặc lúc gia thất cho đến không biết làm sao, là đối với thân thích mà nói lỗi. Có hai: Một là đắm mê không bỏ. Lễ ký nói ba mươi trai tráng có thất, có thất là có vợ, do đây mà luận ngữ nói thẳng đường mà chưa nhập thất. Tốt là chết, cuối. Tiện tuyền là nhanh.

Sợ sệt lo âu cho đến đau khổ giận dữ là nói sau khi gây ra điều ác chịu khổ báo. Có bốn: Một là phát lòng tham tìm kiếm mong cầu. Ổi là ác, lằm là đông nhiều, Quảng Nhã bảo là nhanh, là tạp. Nhiều là loạn. Hiếu kinh nói một người có điều mừng thì cả nhân dân nhờ cậy.

Đều có tâm giết hại cho đến không theo lòng người, đây là phần hai khởi sân giết hại.

Tự nhiên không phải ác cho đến không có ngày ra, là phần ba nói khổ báo khó ra. Người làm ác, năng lực của tội xưa tự nhiên kéo mời, các pháp duyên ác đến. Nên nói tự nhiên không phải ác trước đi theo. Tự thính tức là làm ác tự tại không sợ.

Đau đớn chẳng thể nói rất là đáng thương, là phần thứ tư, thương xót khiến sinh nhàm chán.

Phật bảo Di-lặc cho đến ở sau người, là phần thứ hai, khuyên người tu xả bỏ. Có bốn: Một là Chánh khuyên tu bỏ; hai là Di-lặc nhận hiểu; ba là lại khuyên tu bỏ; bốn là Lại Di-lặc nhận hiểu. Phần một lại có hai: Một là khuyên khiến tu hành. Muốn giúp người trời mau tu bỏ, nên lại đối với Di-lặc mà khuyên. Việc thế gian tức là việc ba độc ở trước. Tọa là do. Người đời do ba độc này mà không được về chân, cách Đạo rất xa, nên nói không được Đạo, phụ là trái.

Nếu có ý nghi cho đến sẽ nói cho nghe, là nói sau khuyên thưa hỏi, Thẳng là nếu.

Bồ-tát Di-lặc cho đến như lời Phật nói, là phần hai, nói về nhận hiểu. Có năm: Một là tin thuận lời Phật. Quán là thông, là tâm nghĩ thông việc người đời, thật theo nghiệp ba độc nên không được Đạo như lời Phật nói.

Nay Phật thương xót cho đến giải thoát sáu khổ, là phần hai, nhân lãnh lòng từ bi làm lợi ích của Phật.

Lời Phật dạy răn cho đến đều được thỏa thích, là phần ba khen lời nói rất tốt. Điều lành sâu xa là khen giáo lợi sâu, trí tuệ sáng. Kiến là khen trí khắp thấu suốt, Ngang thì khắp mười phương, tức tám phương và trên, dưới. Dọc thì suốt ba đời khứ, lai, hiện tại, đều thông suốt.

Nay chúng con cho đến đều giúp cho được Đạo, là phần thứ tư, lại thọ lãnh ân Phật. Khiêm nhường khổ nhọc là nhân, ân đức là quả. Khổ còn viết là cách, Tự lâm nói Cách là cung kính. Khiêm là nhún nhường. Khổ là khổ hạnh phước lộc quang minh là phước mình tốt đẹp - thấu suốt không vô cực, là trí mình thù thắng. Khai nhập Nê-hoàn là giáo hóa chúng sinh được diệt độ. Dạy trao điển lãm là dạy giúp cho tu đạo. Điển là thường. Bày Đạo thường nên Quảng Nhã lấy Điển làm chính. Lãm là nắm lấy. Thường Đạo nắm lý nên gọi điển lãm. Trong đây ý nói dắt dẫn Đạo pháp nên nói dạy trao. Do đó kinh điển này phải nắm các nghĩa, khiến học tập, nên nói điển lãm, tức là trí hóa, chúng sinh ngang bằng thì dùng oai đức chế ngự khiến tiêu phục mà theo Thánh hóa, nên nói oai thế tiêu hóa. Còn chúng sinh tốt lành mềm mỏng thì dùng từ lực mà nhiếp lấy. Cho nên cảm khắp mười phương kẻ có duyên mà nhiếp vô cùng cực, tức là phước hóa.

Nay được gặp Phật cho đến tâm được mở sáng, là phần thứ năm, nói mình vui mừng.

Phật bảo Di-lặc rằng ông nói như thế, là phần ba lại khuyên tu bỏ. Có ba: Một là khen xin chứng hiểu; hai là Chánh khuyên tu hành; ba là khuyên bỏ nghi ngờ. Phần một lại có ba: Một là khen lời nói trước, Phật nói rất sâu xa rất tốt lành, rất đúng lý, nên nói như thế.

Nếu có người từ kính cho đến bèn lại có Phật, là kế khen ngợi nhận lãnh ân Phật. Có hai: Một là Chánh khen nói Phật khó gặp. Có thuyết chép: mình khó gặp là không đúng. Lại nói là nói việc sẽ có. Cho nên nay nói lúc Di-lặc thành Phật.

Nay tôi ở đời này cho đến Đạo Niết bàn, là nói hóa ích của mình, tức là hành đạo dưới cây Bồ-đề, xoay bánh xe pháp ở vườn Nai. Có thuyết nói: Dứt nghi của Kiều-trần-như nên nói xé rách các lưới nghi, là không đúng. Phật giải quyết nghi ngờ cho mọi người chứ không phải

riêng Trần-như, nên nay tức là dứt nghi. Nhổ đục là giúp cho dứt bỏ phiền não. Đóng bít các nguồn ác là khiến dứt bỏ nghiệp ác. Đổ là đóng lấp. Nghi ái là nguồn gốc của hoặc lợi độn nên nói là gốc. Nghiệp ác là dòng khổ chung riêng, nên nói là nguồn, chính là khẩu nghiệp hóa. Trên trời dưới đất chỉ có Phật là đáng tôn kính nhất nên đi khắp ba cõi, hóa độ mặc tình không trở ngại, tức là thân nghiệp hóa. Khéo nhàn kinh điển cần nắm các nghĩa nên điển lãm trí tuệ, hiểu đủ ba thừa, đạo phải thực hành, cốt yếu của các Đạo, tức là ý nghiệp hóa.

Cương duy cũng như Cương kỷ, nghĩa là có phép tắc. Đặt ra giới để chế ngự mọi người nên nói giữ gìn, nêu chánh để phân biệt với tà cho nên chiếu xét rõ ràng. Hóa độ chúng sinh rộng khắp nên chỉ bày năm đường, khiến vượt biển khổ, độ kẻ chưa độ, giải quyết giúp cho ra khỏi sinh tử, vào đường Chánh Niết-bàn, tức dạy dỗ mở mang.

Này Di-lặc phải biết cho đến không thể tính đếm, là mừng được gặp Phật nghe pháp. Có ba: Một là nói trước sau về Di-lặc.

Ông và mười phương cho đến chẳng thể nói đủ, đây là kế nêu cội nguồn chúng sinh. Vĩnh là lâu dài, mãi mãi.

Nhấn đến đời này cho đến ta giúp ông được vui mừng, đây là Như lai chính thức vui mừng. Nhờ nhân lâu xa mà được gặp Phật nghe pháp nên rất đáng mừng vui.

Nay ông cũng có thể cho đến chứa nhiều gốc lành, là phần thứ hai, khuyên tu hành. Có hai: Một là Chánh khuyên tu bỏ. Bệnh là khổ bên trong, Thống là khổ bên ngoài.

Tuy một đời siêng khổ cho đến đạo Niết-bàn, là nêu lợi khiến tu. Thân và phước đủ nên nói đạo đức hợp, tâm và trí đủ nên nói hợp sáng.

Các ông đều nên cho đến chịu các tai ách, là phần ba, khuyên bỏ nghi ngờ. Trong bản của hai ngài Bạch Diên và Chi Khiêm nói nhóm Trung, hạ đều bảo sinh về cõi nước của Đức Phật ấy không thể đến trước chỗ Phật A-di-đà, mà thấy bên cõi nước ấy có thành bảy báu, bèn mừng vui mà ở trong thành ấy, tức trong hoa sen ở ao bảy báu mà hóa sinh, tự nhiên to lớn lên. Ở trong ấy năm trăm năm. Thành ấy rộng mỗi bề hai ngàn dặm, cũng có nhà cửa bảy báu, trong nhà đều có ao tắm bảy báu. Trong ao có hoa sen. Ở đây nói cung điện bảy báu, tức là nhà cửa báu trong thành ấy. Ở trong thành ấy hưởng vui. Kinh này nói vui như trời Đao-lợi, nhưng phải chịu các tai ách, tức là không được thấy nghe Tam bảo. Nếu thế thì cõi ấy cũng có buồn lo, là các ách nạn, tức lo mà là cái lo xuất thế, không phải khổ khổ. Các thuyết chép: Ở Tịnh độ thân

tâm thanh thản không có lo rầu chỉ là chán đời bỏ xuất thế, không phải lo rầu, nên nêu lo không phải là lo rầu, chỉ là chứng thấy Phật, lỗi này là do nghi ngờ. Nên khuyên răn nói không được nghi ngờ, ăn năn giữa chừng mà bị lỗi.

Di-Lặc bạch Phật rằng cho đến chẳng dám nghi ngờ, là phần thứ tư, nói Di-lặc nhận hiểu. Vâng làm là hiểu lời khuyên tu, trước nói việc mình vâng lời không nghi, nhận lãnh khuyên bỏ nghi, nói tự mình không nghi.

Phật bảo Di-lặc cho đến dễ khai hóa, là phần ba, nêu rộng nghiệp khổ khiến người chán bỏ. Có hai: Một là khen tin hiểu thực hành ở trước; hai là Chánh nói nghiệp khổ, đây là khen Di-lặc hiểu rõ vâng làm.

Nay ta ở đây cho đến khiến lìa năm thiêu, là phần hai, chính là nói nghiệp khổ mà khiến chán bỏ. Có ba: Một là lược giải thích; hai là giải thích riêng; ba là giải thích chung. Phần một lại có hai: Một là khiến bỏ khiến lìa. Có thuyết chép: Năm điều ác là nhân, thống và thiêu là quả, tức là năm giới, phòng thân ba lỗi là ba, khẩu bốn là thứ tư, uống rượu là thứ năm. Đáp năm nhân này là bị năm thống, thống là khổ. Bị thiêu là khổ cụ. Hoặc thống hoặc thiêu đều là quả báo địa ngục. Nên văn trước chép: Khi qua đời nóng lạnh và thống khổ đều đủ. Bèn có các nhà khác nói người trong năm thống chịu năm thiêu ở địa ngục, nói rằng đây là rất lầm lẫn vì xét kinh hại văn hại nghĩa là do chẳng hiểu thống là khổ, chịu thiêu là khổ cực. Không thể người chịu thống mà không có khổ cụ. Địa ngục có khổ cụ nhưng không thống. Cho nên gây ra năm điều ác trước phải vào đường ác, sau mới sinh làm người. Cho nên địa ngục chịu quả báo thống thiêu rồi sau mới sinh làm người, chịu các quả báo đau khổ khác. Đây e không đúng. Nếu nói năm điều ác tức năm giới để ngăn ngừa thì giới chẳng nói dối chỉ ngăn ngừa nói dối vì sao lại nói khẩu bốn là ác thứ tư là đúng lý? Lại thống ắt gồm cả cụ thiêu vì sao không chịu? Cho nên chẳng thể nói người trong đó có chịu mà không có cụ, địa ngục có cụ mà không có chịu. Như A-xà-thế giết cha rồi hiện đời bị các khổ, chẳng thể nào nói trước chịu thống thiêu rồi sau mới chịu các quả báo đau khổ khác. Kinh nói hoa báo đáng lẽ nên trở thành nói dối. Cho nên nay giữ nguyên nghĩa đã nêu ra. Sát, đạo, tà dâm, nói dối, uống rượu là năm điều ác, hoa báo năm thống hiện đóng pháp vua, thân bị ách nạn, gọi là năm thống. Quả báo ba đường gọi là năm thiêu. Không như thế thì trái. Đời có các đạo lý như đạo thường, phép vua, lao ngục...

Hàng phục ý ấy cho đến Đạo Niết-bàn, là giúp cho giữ gìn, giúp

cho chứng được. năm điều lành tức giới đề phòng năm điều ác, do giữ năm giới mà hiện không có các khổ, cho nên được phước đức, trái với năm thống. Sau sinh về Tây phương cuối cùng được Niết-bàn, cho nên độ đời sống lâu thì trái với năm thiêu.

Phật nói những gì cho đến thế nào là năm thiêu, là phần thứ hai giải thích riêng. Có hai: Một là hỏi; hai là giải thích. Phần một lại có hai: Một là hỏi chỗ lia bỏ.

Tiêu hóa những gì cho đến đạo Niết-bàn, là hỏi việc giữ gìn, việc chứng được.

Phật nói điều ác thứ nhất cho đến chứa nhóm phước đức mà được, là phần thứ hai, giải thích có năm: Một là giải thích sát sinh. Có hai: Một là giải thích chỗ lia bỏ; hai là giải thích chỗ giữ được. Phần một lại có ba: Một là giải thích lại; hai là kết chung; ba là mượn dụ nói lỗi. Phần một lại có ba: Một là giải thích điều ác - khắc là giết, Tặc là hại. Có thuyết chép: Thần minh tức Đồng sinh và Đồng danh. Đồng sinh ở vai phải ghi chép làm việc ác. Đồng danh ở vai trái ghi chép làm việc lành, nên nói ghi biết. Đây e không đúng. Nghiệp ác cảm khởi lên không phải thần làm được. Cho nên nay tức cùng tinh thần mà biết do hạt giống, công năng nhớ biết chẳng quên gọi là ghi nhớ. Cô là không cha mẹ, độc là không con cái, vang là gây yếu. Vang cuồng là thay đổi tánh ý, là điên loạn.

Đời có đạo thường cho đến khó được xuất định, giải thích về thống.

Thế gian có thứ này cho đến phải về là giải thích, thương hoán là trao đổi, tốt bao là gấp. Hội đương là sẽ. Quy là về.

Ấy là điều ác lớn cho đến cần khổ như thế, là phần hai, là kết.

Thí như lửa lớn đốt cháy thân người, là phần ba, nói lỗi.

Người ở trong ấy cho đến làm một điều lành lớn, là phần thứ hai, giải thích điều giữ được.

Phật nói điều ác thứ hai cho đến bèn ăn năn là phần thứ hai, giải thích trộm cắp. Có hai: Một là giải thích việc phải lia bỏ. Có ba: Một là nhắc lại. Có ba: Một là giải thích điều ác. Độ là suy lường, nói việc trộm cắp là bất nghĩa, cầu tài phi lý nên không thuận theo phép tắc. Không đề nén tâm tham nên nói đam mê tiền của muốn được, nên nói là dâm. Tuy có tâm muốn mà nói đủ. Tâm miệng khác nhau là miệng nói lời lành mà tâm nghĩa chấp ác nên nói nịnh. Che giấu tánh mình nên nói là siểm, là hạnh không đáng tin nên nói bất trung?. Nói dụ là ý đối trá. Mỵ là dối gạt. Uổng là chết ngang trái, độ là pháp lượng. Cơ là cơ



quan, tức nói khôn khéo khiến uốn mình theo ý vua làm điều dua nịnh, biết hình thế vua mà không can ngăn. Hưởng lộc 12500 nhà. Đãng là năm trăm nhà, chợ là nơi trao đổi, năm nhà là một lân, năm lân là một lý. Người quê mùa Khổng Tử nói trước dâng lễ nhạc là dẫn nhân, sau dâng lễ nhạc là quân tử. Bao thị gọi là kẻ quê mùa. Ở ngoài thành gọi là Dã, ở ngoài ấp gọi là giao. Tùng sự là gọi nhau người làm. Chí cánh là chết. Thiện ác là nhân. Họa phúc là quả. Truy là lại. Thủ mạng là mời dẫn, khi nhân thiện ác đã thành thì chắc chắn nay quả sẽ khởi. Lại, truy là đuổi. Mạng là nghiệp, theo nghiệp thiện ác mà sinh sau này.

Đời này hiện có cho đến chịu hình phạt, là giải thích về thống.

Do nhân đời trước cho đến đau đớn không thể nói là giải thích về thiêu.

Là điều ác lớn thứ hai cho đến siêng khổ như thế, là phần hai: kết.

Thí như lửa đốt cháy thân người, là phần ba, nói về lỗi.

Người trong ấy cho đến là điều lành lớn thứ hai, là phần hai, giải thích chỗ giữ được.

Phật nói ấy là điều ác thứ ba cho đến hoạn nạn mà khổ, thứ ba là giải thích tà dâm. Có hai: Một là giải thích chỗ bỏ. Có ba: Một là Giải thích lại. Lại có ba: Là giải thích điều ác. Miên là nhìn sai, lại là lé (đồng tử không ngay), nhìn nghiêng. Tế sắc là sắc đẹp, thái là khéo lượng tình người. Kết là hẹn. Sư, bốn ngàn người là quân, hai ngàn năm trăm là sư. Sư là mười hai con ngựa. năm trăm người là lữ. Cưỡng đoạt là công khai cướp lấy. Bất đạo là trái đạo lấy vật. Nghèo không sản nghiệp nên chẳng tự tu nghiệp, chỉ mong lấy ở ngoài nên có tâm ác với bên ngoài. Trộm là giấu riêng (lén lấy), là rình người không biết để tìm vật người khác mà lấy đi gọi là trộm. Kịch là kịch động, khủng là sợ, nhiệt là nóng bức, vật khổ ép thân gọi là bức, dùng oai làm nhục người gọi là hiếp.

Cũng lại chẳng sợ phép vua lệnh cấm, là giải thích về thống.

Điều ác như thế cho đến đau đớn chẳng thể nói, là giải thích về thiêu. Đặt trước là đồng với u minh.

Đó là điều ác lớn thứ ba cho đến siêng khổ như thế, thứ hai là kết.

Thí như lửa đốt cháy thân người, ba là nói về lỗi.

Người ở trong đó cho đến là điều lành lớn thứ ba, là phần thứ hai, nói những điều giữ được.

Phật nói điều ác thứ tư cho đến thường có tâm kiêu mạn, là phần

thứ tư, giải thích nói dối. Có hai: Một là giải thích chỗ lìa. Có ba: Một là là giải thích nhiều lớp. Có ba: Một là giải thích điều ác. Bàng là vợ chồng dễ đến chỗ khinh nhờn. Kiềm là kiêu ngạo, tự cao tự đại.

Các điều ác như thế cho đến không chỗ nương cậy, là giải thích về thống, thiên thần tức trời che chở thế gian, ghi chép người làm ác mà tâu lên Thượng đế, giải thích ghi vào sổ ác nên nói ghi biết.

Tuổi thọ hết rồi cho đến đau đớn không thể nói, là giải thích về thiêu. Có thuyết chép: Gọi hạt giống là ở thức lại-da nghiệp chủng dẫn sinh ắt có chỗ đến, nên nói nhờ thần minh tức là trái. Tự bảo thiên thần che chở thế gian tâu lên thượng đế giải thích ghi ở sổ ác, nên nay ngay khi tuổi thọ hết rồi thì nghiệp ác dẫn quỷ thần đến bắt đi đem vào đường ác. Đó gọi là sổ dẫn chịu báo khổ. Đốn là đến, tòng là chỗ, đặc là nương. Có thuyết chép: Thiên Đạo là đạo của thiên hạ, là sai. Vì khổ báo chưa hẳn ở thiên hạ. Nên nay thiên là nghiệp, tức là đạo của nghiệp ác. Cho nên Du-già cũng nói nghiệp trời che đồng. Tự nhiên là rõ ràng. Tha diệt là vấp ngã, sai lầm. Nghiệp báo vận số chẳng sai lầm tức nghĩa chẳng trái.

Đó là điều ác lớn thứ tư cho đến siêng năng khổ nhọc như thế, là thứ hai: kết.

Người ở trong đó cho đến là điều lành lớn, là phần thứ hai giải thích những điều đạt được.

Phật bảo điều ác thứ năm cho đến ăn uống vô độ, là phần thứ năm, giải thích uống rượu. Có hai: Một là giải thích chỗ lìa. Có ba: Một là là giải thích nhiều lớp. có ba: Một là giải thích điều ác. Có hai: Một là gây việc ác. Đồ ỷ giống như bồi hồi, là trạng thái thất thần. Pháp sư vị nói cổ là tội, giáo là thẳng. Đoạt là trộm. Lấy tiền vật của người để khoái ý, không biết sự ngay thẳng sinh ra ở chỗ nào. Tán là đi, chẵn là bố thí, cho là đem của người giàu giúp kẻ nghèo.

Mặc ý buông lung cho đến trù cơ cho chết, là nói về lỗi ác. Tứ là bày. Có thuyết chép: Lở hổ là ngang bướng, để đột là xúc phạm xâm lấn. Sáu thân có thuyết chép: Cha có ba: Mẹ có ba: Hợp thành sáu thân, có người nói sáu thân là cha mẹ, anh em, vợ con. Vương Bật nói là cha mẹ, anh em, vợ chồng đều trái. Trì tụng chép: Cha có sáu thân, mẹ có sáu thân. Thức đương là nhận.

Người đời như thế cho đến ý chẳng hiểu, là giải thích về thống. Nghiêu, kiêu là gặp, tức cầu thân mà gặp. Hạnh là không phải những điều đã được mà gọi là được.

Đại mạng sắp mất cho đến đau đớn chẳng thể nói được. Đây là

giải thích về thiêu. Mạng là tuổi của trời đất, là một trong ba thứ lớp, nên gọi là Đại; yếu yếu là tối tăm, hạo hạo là minh mông, nước lớn minh mang mật mù. Số là lý số.

Đó là điều ác lớn thứ năm cho đến siêng năng khổ nhọc như thế, là phần thứ hai: kết.

Thí như lửa lớn đốt cháy thân, thứ ba là nói lỗi.

Người ở trong đó cho đến là điều lành lớn, thứ hai là giải thích những điều giữ được. Phó là giúp, xứng.

Phật bảo Di-lặc cho đến lần lượt sinh nhau, thứ ba là giải thích chung. Có hai: Một là giải thích chung những điều phải lìa bỏ; hai là giải thích chung những điều sẽ được. một lại có hai: Một là nêu chung. Chỉ làm các điều ác cho đến chỉ cho chúng thấy, là giải thích riêng.

Có hai: Một là từ điều ác sinh thống thiêu. Làm các điều ác tức là năm điều ác vào đường ác tức năm thiêu, bị bệnh ương tức là năm thống.

Thân chết rồi đi theo cho đến thiêu đốt nhau, đây là từ thiêu sinh ác, thống. Có ba: Một là năm thiêu. Hạnh là nghiệp.

Đến lâu sau cho đến theo đó mà mòn mất, là từ thiêu sinh ra ác, tỉnh là xét.

Thân bị khổ nhọc cho đến đau đớn thay thật đáng thương, đây là từ ác sinh ra thống. Tọa là do, chịu. Khổ thêm không ngừng nên nói lâu sau càng rất dữ. Lý nghiệp quả không có tác giả nên nói là Đạo trời giảng bày, gây ra điều ác sẽ bày rõ, nên nay gọi là ước, hạn định, hẹn. Thân bị lưới pháp luật, nên nói mảnh lưới, sang hèn đều phải theo pháp nên trên dưới tương ứng với tội. Người tội tự về không bạn đưa tiền.

Phật bảo Di-lặc cho đến Phật đều thương xót, thứ hai là giải thích những điều phải giữ. Có hai: Một là kết nói lên sự buồn thương của mình.

Dùng năng lực oai thần cho đến Đạo Niết-bàn, chính là bày lợi ích của sự giáo hóa. Dứt ác làm lành là khiến tu điều lành ở đời. Bồ nghi thọ Đạo là tu lành xuất thế.

Phật bảo: nay các ông nói Đạo khổ thống, thứ tư là khuyên người tu xả bỏ. Có hai: Một là Phật khuyên tu bỏ; hai là Di-lặc nhận hiểu. Phần một lại có ba: Một là dùng lý chánh khuyên; hai là nêu hiện hóa mà khuyên; ba là dùng hóa diệt mà khuyên - một lại có hai: Một là Chánh khuyên tu xả bỏ. Đoạn thủ là sửa tà giữ chánh.

Do đó các ông cho đến không có mảy may điều ác, là đối khen khiến tu. Có hai: Một là đối cõi Di-đà mà khen cao quý khiến tu. sáu độ như thí... tức là tự lợi được chuyển hóa. Lập điều lành tức là hạnh lợi

tha “Hành thiện”. Chánh tâm trai giới là “Chỉ thiện”. Tu đây khó thành cho nên tu điều lành ở đây một ngày hơn ở Tây phương tu điều lành trăm năm mà khen rằng sinh nước ấy mau được Bồ-đề Vô thượng. Vì ở đây không lúc nào chẳng tu. Cho nên tu điều lành này ít thời gian, nên chẳng trái nhau.

Đối tu điều lành này cho đến không hề ngừng dứt, là đối với các cõi Phật khác mà khen tốt đẹp hơn khiến tu. Tức trông lên vị trên ở cõi cao quý so sánh khen tốt đẹp hơn mà khiến thân tu. Đãi là nguy, là hết. Nay ý ở đây giữ lời tục mà nói lừa dối. Ta thương xót các ông cho đến cốt tu cầu nguyện, thứ hai là nêu hiện hóa ích để khuyên tu. Có hai: Một là thiện được ích. Ấp Chu Lễ nói bốn giếng là một ấp, vuông vức hai dặm. chín người là một giếng, vuông vức một dặm. Văn nói tám nhà là một giếng. Xóm làng, Vương xá làng nhỏ gọi là tụ. Quảng nhĩ nói lạc là ở, nghĩa là chỗ người tụ họp nhau ở đó. Lệ là dịch lệ. Thích danh gọi là bình thời khí, lan truyền trong loài người. Qua là loại kích đầu bằng, dài một thước sáu tấc, hoặc sáu thước sáu tấc.

Phật nói ta thương xót đến là an vô vi, là nói dứt ác lìa khổ. Dứt năm điều ác nên được năm đức, lìa năm thống thiêu cho nên lên cõi an vui vô vi.

Sau khi ta diệt độ cho đến nói lược như thế, thứ ba là nói diệt hóa tổn để khuyên tu. Có hai: Một là Nói về cách Thánh. Tất là đủ.

Phật bảo Di-lặc cho đến không được phạm, là khuyên người tu hành.

Do đó Di-lặc cho đến không dám trái lỗi, là phần hai, Di-lặc nhận hiểu. Chịu khổ thật như thế là nhận hiểu, không dám trái lỗi là vâng làm. Không dám là sợ.

Phật bảo A-nan cho đến không mê đắm vô ngại, thứ ba là khen chê được mất khiến người tu xả bỏ. Có năm: Một là Phật khiến A-nan lễ Phật Di-đà. Di-lặc đứng đầu chúng ảnh hưởng, còn A-nan đứng đầu chúng đương cơ. Phật chỉ đối hai vị Đại thánh này mà khuyên người khiến tu nhân Tịnh độ.

Do đó A-nan cho đến chúng Thịnh Văn, đây là phần hai, nói A-nan vâng lệnh lễ Phật để xin thấy, cõi là chỗ ở. Chúng là người được hóa độ.

Nói lời ấy rồi cho đến chỉ thấy ánh sáng Phật, là phần ba, nói Phật ấy phát ra ánh sáng nên xin được thấy. Quang dạng là chứa nhiều nước tức mênh mộng. Hạng là mồ hôi do hơi nóng xông lên. Nay nói hạo hạng là mênh mộng.

Khi ấy A-nan cho đến cũng giống như thế, là phần thứ tư, tìm ánh sáng mà thấy đủ sự hơn kém ở cõi ấy. Chúng này thấy cõi ấy, chúng ấy thấy Ta-bà sáng tối có khác như trước đã giải thích.

Bấy giờ Phật bảo cho đến thưa rằng đã thấy, là phần thứ năm, là bày lỗi ấy, dạy cầu mong, dạy xả bỏ. Có hai: Một là nói đức dạy cầu mong. Có ba câu hỏi đáp. Các thuyết nói Tịnh độ không có trời đất khác nhau là trái vắn này nói từ đất lên đến trời Tịnh cư. Kinh của ngài Bạch Diên nói tức cõi nước của các Đức Phật từ thứ nhất Tứ thiên vương lên đến tầng trời thứ ba mươi sáu, trên thì các Bồ tát A-la-hán trời, người đều ở trên hư không, cùng trỗi các thứ âm nhạc. Dưới lại chép: Một là các trời, người Bốn thiên vương; hai là các trời, người Đạo-lợi; ba là các vị trời trên cõi trời; bốn là các vị trời trên cõi trời; năm là các vị trời trên cõi trời. Sáu là các vị trời trên cõi trời; bảy là các vị trời trên cõi Phạm thiên, đến thứ mười sáu là các vị trời trên cõi trời. Còn kinh ngài Chi Khiêm cũng chép: Phật A-di-đà vì các Bồ tát A-la-hán nói kinh. Bồ tát A-la-hán và các trời, người vô ương số đều bay đến chỗ Phật A-di-đà nghe pháp vui mừng, tức thứ nhất là trời Bốn Thiên vương, thứ hai là trời Đạo-lợi, lên đến các trời, người trên tầng trời thứ ba mươi hai, đều đem muôn vật tự nhiên đến chỗ Phật A-di-đà đảnh lễ cúng dường Phật và các Bồ-tát, A-la-hán. Theo hai kinh này trong các thế giới đều có ba mươi sáu trời và ba trời. Tuy là một bốn nhưng người dịch lại dịch khác. Nên theo kinh Mật Nghiêm thì có hai mươi sáu trời, gọi là trời Lục Dục, Phạm thiên có mười, Tịnh Cư có năm, Vô Sắc và có bốn tầng trời Vô Tướng. Cho nên bài tụng ấy chép: Cõi Dục, Sắc, Vô sắc, Vô tướng đẳng thiên cung. Phật vượt hơn các cõi ấy. Nương Mật nghiêm mà trụ. Nếu theo kinh bốn nghiệp thì có hai mươi tám tầng trời, tức cõi Dục có sáu thiên đều có bốn Tịnh cư là một chẳng nói Vô tướng thêm trời Đại tịnh và Vô Sắc.

Theo kinh Hoa Nghiêm thì có ba mươi hai tầng trời, tức là sáu tầng trời cõi Dục Thiên, Sơ Thiên có năm, ba tầng trên mỗi tầng có bốn, Tịnh Cư cũng có năm và bốn Vô Sắc, không nói vô tướng. Nói tóm lại Bốn của Chi Khiêm tức đồng với Hoa Nghiêm. Nên tuy chẳng nói Vô Tướng, đại tịnh có ba mươi hai mà Bạch Diên thì nói ba mươi sáu, là sai. Dem bản của Chi Khiêm mà kiểm tra kinh ngài Bạch Diên thì kinh Bạch Diên có nhiều sai. Tuy có trời Vô Sắc mà nương vào dục sắc mà ở, lại không khác chỗ. Cho nên nay chỉ hỏi cho đến chỗ tất cả sự trang nghiêm ở Tịnh Cư. Tuy có trời Tịnh cư mà Định tánh Na-hàm chắc chắn chẳng sinh Tịnh độ. Nhưng Mật Nghiêm chép: hoặc sinh cõi

Dục tự tại và cả các tầng trời cõi Sắc cho đến vô tướng cung A-ca-ni-tra xứ, không, thức, Vô Sở Hữu, Phi tướng Phi phi tướng xứ... như thế các địa Trung Tiệm. Kế trừ tham dục mà trụ vào đó. Nhưng không phải rốt ráo tìm đến đời sau. Mật Nghiêm là cõi Mật Nghiêm, là chỗ sinh của Bồ-tát Thập địa, nên không trái nhau.

Văn trước tự nói các trời Tịnh Cư cùng A-ca-ni-tra Loa kế phạm vương đồng gặp một chỗ đều ở cõi này và Bồ-tát sinh tâm ít có. Liền biết sinh cõi trời Mật Nghiêm ấy là Bồ-tát. Bàn thêm là để giải thích bản văn.

Nhân dân nước ấy cho đến cũng đều tự nhiên, là nói sự thua kém ở cõi ấy để khiến nhàm chán, khiến xả bỏ. Có hai: Một là nêu sự thua kém của thai sinh; hai là khuyên phát ý tu bỏ. Phần một lại có bốn: Một là mượn hỏi mà nói quả thai sinh ở cõi ấy. Mười do-tuần là cung chỗ sinh của nhóm hạ nghi ngờ trí Phật. năm trăm do-tuần là cung chỗ sinh của nhóm trung nghi ngờ trí Phật. Nhưng kinh của Bạch Diên và Khiêm hoặc Trung, hoặc Hạ đều nói là hai trăm dặm - thành là bởi nêu lược chẳng nói hết. Không đúng. Bạc trung, bạc hạ phải không sai khác bao nhiêu, nên văn này lấy sự cao quý mà lượng định lớn nhỏ. Suy nghĩ kỹ sẽ hiểu. năm trăm năm là số năm của cõi này. Các bản khác đều nói thời gian ấy khoảng năm trăm năm.

Khi ấy Từ Thị cho đến thai sinh, hóa sinh, là phần hai là đối nhân mà bày quả. Có hai: Một là hỏi, chính là hỏi nhân của thai sinh gồm có hóa sinh.

Phật bảo Từ Thị cho đến gọi là thai sinh, tức là lý trái chung riêng đồng giải thích như trước, cũng thứ lớp trái các luận, cho nên có thuyết chép: Trí Phật là nêu chung, bốn trí là nêu riêng. Nên trí Đại viên cảnh gọi là không thể suy nghĩ bàn luận, trí bình đẳng tánh không thể gọi tên, trí Diệu quan sát gọi là Quảng trí Đại thừa, trí thành sở tác gọi là trí vô đẳng tác gọi là Thắng trí vô đẳng vô luân tối thượng. Đây cũng không đúng. bốn trí sau là bốn trí như Đại viên cảnh... là thuận theo Thánh giáo, không phải bốn trí đều gọi là trí Phật. Cho nên hai trí bình đẳng và Diệu quán thì tâm phẩm Bồ-tát cũng được. Cho nên nói năm trí này như thứ lớp là năm pháp trong kinh Phật Địa. Thanh tịnh pháp giới gọi là trí Phật. Trí xứ trí tánh đều gọi là trí. Cho nên nói nghi về Di-đà tuy có thế nguyện sâu rộng với muôn loài chúng sinh, có khả năng dắt dẫn trời, người ở mười phương sinh về nước ấy, nên nói không hiểu trí Phật. Di-đà đã chứng pháp giới Nhất chân, các đức đều tròn đủ, xứng theo Bốn nguyện mà đón rước. Cho nên chúng sinh có duyên đều sinh

về nước ấy không nên nghi ngờ kinh. Trí Đại viên cảnh gọi là trí Bất tư nghi, có nghe kinh nói thiện ác tội phước nặng nề thì trước sinh nghi ngờ việc xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà sẽ sinh về nước ấy, nhưng mình đã thường làm các điều ác, tâm ác sâu nặng không thể mười niệm nối nhau, điều lành nhỏ không thể diệt hết các tội mà vãng sinh nước ấy, vào nhóm Chánh định rốt ráo được không lui sụt, cho nên nói không hiểu rõ Trí bất tư nghi. Trí bất tư nghi có oai lực lớn không thể lường được. Các ông đâu chẳng nghe gương một mặt mà không bóng nào chẳng hiện, há lại nghi năng lực một trí mà diệt hết các tội chướng. Lại muôn cân treo sợi tóc ngọn lửa nhỏ cũng đốt tiêu. Nên mười niệm xưng niệm, một niệm riêng trừ được sinh tử tội nặng tám mươi ức kiếp mà vãng sinh Tịnh độ thì có gì là lạ - trí Bình đẳng tánh gọi là Trí bất khả xưng. Có nghe trí Phật cao xa sinh nghi mà nói tên sẽ đối đãi nhau, chẳng biết mà gọi là biết thì có gì là cao xa, mà niệm được nhiều phước. Nay giải thích nghi này nói Phật có trí Bất khả xưng, trí bình đẳng tánh, chứng lý cảnh hai không. Trí bình đẳng cao xa không thể xưng nói, dùng tên bỏ tên mà nói huyền chỉ. Ngộ chỉ là quên lời. Cảnh đã không thể gọi tên thì trí có thể nói là không thể gọi tên. Vì không thể gọi tên cho nên niệm thì được nhiều phước. Do đó mà không nên có tâm nghi. Trí Diệu quán sát gọi là Quảng trí Đại thừa. Có người nghe niệm Phật đều được vãng sinh mà sinh nghi rằng: Các Đức Phật quá khứ hiện tại tuy là vô lượng độ sinh bất tận, một Phật có thể độ hết chúng sinh đâu cần có Phật khác hóa sinh, thì làm sao niệm Phật Di-đà đều sinh về cõi ấy, cho nên nói không hiểu Quảng trí Đại thừa. Trí Diệu quán sát thường gồm cả bi trí, đối với những ai có duyên đều chuyển vận vào Niết-bàn. Chỉ các chúng sinh đều có chỗ thuộc. Thuộc là tuy là cùng tận nhưng không thuộc nên vẫn còn. Do đó lại có các Đức Phật khác ra đời để hóa độ. Do đó, người niệm Phật đều sinh Tịnh độ là ý này. Trí Thành Sở Tác gọi là Thắng trí Vô Đẳng Vô Luân Tối Thượng. Có người nghe Như lai chẳng đáp mười bốn việc không đáng nhớ, liền nghi rằng Phật biết không khắp tất cả các pháp. Đã không có thắng dụng mà niệm thì làm sao có phước được, nên nói không hiểu Trí Vô Đẳng Luân. Trí Thành Sở Tác duyên khắp sáu trần nhưng khác với phàm phu, nên nói vô đẳng (không ai bằng). Tuy thấu suốt muôn cảnh nhưng thường ở trong Định mâu, chẳng phải như Nhị thừa có sự khác nhau, nên nói Vô luân. Hai chướng đều hết, phát ra ba nghiệp, hóa thành bốn ký luận, các Bồ-tát không làm được nên nói là Tối Thượng Thắng. Tối Thượng Thắng là theo thứ lớp mà phân biệt với ba kỳ kiếp. Cho nên Như lai đáp lời vấn

nạn thì có lợi ích. Còn đáp mười bốn việc thì chỉ có nói suông thôi, nên biết mà không đáp. Cho nên người niệm thì phước chắc chắn không ít. Do nghi trí Phật này nên tuy sinh về nước ấy mà phải ở biên địa, không nghe được Thánh giáo. Nếu thai sinh thì nên bỏ.

Nếu có chúng sinh cho đến thành tựu đầy đủ, là đáp cả nhân quả hóa sinh.

Lại, này Từ Thị cho đến trí tuệ cao quý, là phần ba, so sánh để nêu sự thua kém. Có hai: Một là khen Hóa sinh cao quý.

Thai sinh cho đến do nghi ngờ nên như thế, đây là phần hai là nói thai sinh thua kém. Mê hoặc là chấp.

Phật bảo Di-lặc cho đến ưa thích chỗ ấy chăng? Đây là phần thứ tư, mượn dụ nói lỗi. Có ba: Một là lập dụ hỏi lại.

Đáp rằng không cho đến muốn mình thoát ra, là Di-lặc thuận đáp theo.

Phật bảo Di-lặc cho đến chẳng ưa thích chỗ ấy, đây là phần ba, Như lai bày lỗi.

Nếu chúng sinh này cho đến tu các công đức; hai là khuyên khiến tu bỏ. Có hai: Một là Chánh khuyên cho tu hành, cho xả bỏ. Biết rõ gốc tội là biết rõ tội nghi ngờ năm trí Phật, rất ăn năn tự trách thì liền lia được cung báu ấy.

Này Di-lặc phải biết cho đến trí tuệ Vô thượng, là kết khuyên tu học.

Bồ-tát Di-lặc cho đến cõi nước Phật ấy, thứ tư là trình bày Đại Bồ-tát vãng sinh Tây phương để làm tăng thêm ý muốn vãng sinh. Có hai: Một là hỏi.

Phật bảo Di-lặc cho đến đều sẽ vãng sinh; hai là đáp. Có hai: Một là nói Bồ-tát ở Ta-bà sinh về cõi ấy.

Phật bảo Di-lặc cho đến cũng giống như thế; hai là nói phương khác vãng sinh. Có ba: Một là nêu chung.

Phật thứ nhất cho đến đều sẽ vãng sinh, đây là nêu riêng.

Phật bảo Di-lặc cho đến nói lược mà thôi, đây là phần ba, phân loại nói vãng sinh, khiến thêm nhiều ý ham cầu. Nếu mười ba nước mà chung cho Ta-bà nên nói có mười bốn. Bắt đầu từ A-nan hỏi Phật nhan đến cuối là Như lai nói về sự vãng sinh của các Bồ-tát, mà bày hỏi đáp rộng rãi.

Phật bảo Di-lặc cho đến trì tụng nói làm, đây là phần ba, nghe nói vui làm. Có bốn: Một là khen kinh khuyên học; hai là nói bày lợi ích; ba là bày tướng khiến tin; bốn là nói chúng vui làm. Phần một lại có năm:



Một là khen nghe khuyên làm.

Phật bảo nay ta vì các chúng sinh cho đến lại sinh nghi ngờ: Một là khuyên mọi người bỏ nghi.

Ở đời tương lai cho đến đều được độ, đây là phần ba, khen kinh cứu độ cùng khắp. Có thuyết chép: Phật Thích-ca có Chánh pháp là năm trăm năm, tượng pháp là một ngàn năm, Mạt pháp là mười ngàn năm. Tất cả đều qua, nên nói khi pháp diệt hết. Tuy đã diệt hết rồi, nhưng Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sinh lưu lại riêng kinh này một trăm năm để cứu độ. Đây e không đúng. Không phải chỉ trái với pháp trụ mà các việc Thánh giáo cũng chưa hết. Cho nên nay y theo Pháp Trụ Ký cho rằng: Khi Phật diệt độ, giao phó pháp Vô thượng cho mười sáu vị Đại A-la-hán và các quyến thuộc giữ gìn cho chẳng diệt mất và bảo thân mình làm ruộng phước chân thật, cho các thí chủ, khiến người cúng thí được quả báo lớn. Đó là mười sáu Đại A-la-hán như Tân-Đầu-Lô... giữ gìn Chánh pháp làm lợi ích hữu tình. Đến lúc người ở châu Thiệm bộ ở phía Nam tuổi thọ dài nhất chỉ còn mười tuổi, khi ấy kiếp đao binh khởi lên, tranh nhau giết chóc. Lúc ấy, Phật pháp tạm thời diệt mất. Sau kiếp đao binh thì tuổi thọ của người tăng dần cho đến một trăm tuổi. Người ở châu này nhằm chán kiếp đao binh giết hại nhau khổ não nên lại thích tu việc lành. Lúc đó, mười sáu vị Đại A-la-hán cùng các quyến thuộc lại vào loài người mà giảng nói Chánh pháp Vô thượng, độ vô lượng chúng cho họ xuất gia, làm việc lợi ích cho các hữu tình. Như thế cho đến người ở châu này sống lâu đến sáu mươi ngàn tuổi. Khi đó Chánh pháp truyền bá ở thế gian rất hưng thịnh không ngừng. Sau đến khi người sống đến bảy mươi ngàn tuổi thì Chánh pháp Vô thượng mới diệt hẳn. Lúc đó, mười sáu vị Đại A-la-hán này và các quyến thuộc cùng đến nhóm họp trên đất châu này, dùng năng lực thần thông đem bảy báu xây dựng chùa tháp đẹp đẽ cao rộng. Có bao nhiêu di thân của Phật Thích-ca đều nhóm họp lại thờ trong pháp ấy. Lúc đó, mười sáu vị Đại A-la-hán cùng các quyến thuộc đi nhiều quanh tháp, cúng dường hương hoa, cung kính khen ngợi, đi nhiều trăm ngàn vòng ngược nhìn lễ bái xong, đều bay lên hư không, đồng hướng về tháp mà nói rằng: Kính lạy Đấng Thế tôn Thích-ca Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chúng con vâng lệnh giữ gìn Chánh pháp, và làm các việc lợi ích cho trời, người, pháp tạng đã hết, kể có duyên đã tròn, nay xin giã từ mà diệt độ. Nói xong lời ấy thì cùng lúc đều vào Niết-bàn Vô dư. Trước các Thánh khởi lửa nguyện lực đốt cháy thân như đèn sáng thiêu đốt hết hài cốt, không còn sót chút gì. Bây giờ, các tháp tụt xuống đất

đến lớp kim luân mới dừng lại. Khi ấy, Chánh pháp Vô thượng của Đức Thế tôn Thích-ca Mâu-ni ở Tam thiên đại thiên thế giới đều mất hẳn. Từ đó trong các cõi Phật có đến bảy mươi ngàn câu-chi Độc giác cùng lúc xuất hiện. Đến khi loài người tuổi thọ đến tám mươi ngàn tuổi thì Thánh chúng Độc giác đều mất hết. Kế đó, Di-lặc Như lai ra đời. Nói theo đây thì khi loài người tuổi thọ bảy mươi ngàn tuổi thì Chánh pháp Vô thượng mới diệt hết. Cho nên, nói kinh Đạo diệt hết. Khi mười sáu vị Đại Thánh diệt độ thì tháp kia liền sụp xuống đất. Đặc là riêng, kinh Đại Niết-bàn nói rộng về Phật tánh, các bậc Thánh sâu xa trong thánh giáo mất trước, kinh này chỉ bày Tịnh độ khiến người cầu sinh, là cốt yếu nhất trong việc cứu độ phàm nhân. Nên lưu lại riêng một trăm năm, nên đối việc mất trước sau chẳng có gì lạ, ấy là do nguyện, tức là lưu lại lợi ích lúc pháp diệt rồi mà nghe còn được lợi vãng sinh, huống là hiện nay được nghe ư?

Phật bảo Di-lặc cho đến chẳng việc nào khó hơn việc này, đây là phần bốn, khen nghe mà khiến kính trọng.

Cho nên pháp ta cho đến đúng pháp mà tu hành, đây là phần năm, kết khuyên tu học - pháp của ta tức là kinh này. Làm như thế, tức là kinh này nói Di-đà tùy nguyện tu hành thành thân, thành trí. Nói như thế tức là trên vì chúng sinh mà nói ra. Dạy như thế, tức là dạy người khiến vãng sinh.

Khi ấy Đức Thế tôn cho đến tâm Chánh Giác, đây là phần hai, bày nói lợi ích. Có ba: Một là phát nguyện làm lợi ích.

Mười hai ngàn na-do-tha người cho đến lậu tận ý giải, kể là lợi ích Thịnh văn. Pháp nhãn thanh tịnh tức là quả Dự lưu. Lậu tận tức là chướng hết, ý giải tức là trí đủ, chúng nghe cõi này uế ác đáng nhàm chán, nên được quả Thanh văn.

Bốn mươi ức Bồ-tát cho đến sẽ thành Chánh giác, nói lợi ích Bồ-tát. Nghe Di-đà thành đức rộng lớn nên không còn lui sụt. Nghe cõi này nhiều điều ác nên thệ nguyện muốn cứu độ. Cho nên dùng đức thệ nguyện sâu rộng để tự trang nghiêm.

Khi ấy, Tam thiên cho đến phơi phơi rơi xuống, đây là phần ba, bày tướng để cho tin. Phân phân là rơi lãng xăng.

Phật nói kinh xong cho đến đều vui mừng, đây là phần thứ tư, nói Đại chúng vui mừng vãng làm.

Than ôi! Kinh này tuy có nhiều số như thế nhưng cũng giống như Đức Phật đeo những vật Trang Nghiêm đẹp đẽ, khác nào đem châu báu diệu sáng trang nghiêm bằng trăm ngàn lầm lẫn như giăng lưới bên

---

ngoài, thì đức của Phật càng được kính ngưỡng, mà sự kính tín của các chúng sinh phải càng chắc r穩, ấy là kính này. Rất sâu diệu khó lường biết được song sở ra là phụ giúp xé bỏ lưới nghi hoặc rửa sạch bùn nhờn mà nhận lấy nguồn huyền chỉ trong sạch, tín căn kia càng làm thấm nhuần sở nọ. Thật kính ấy là Đại Trang Nghiêm, là một chỗ nhìn rộng lớn trên thế gian. Sách này là Tịnh ảnh soạn hay Gia Tường soạn ư? Các ngài Nghĩa Tịch, Pháp Vị là những bậc nổi tiếng cũng đều có soạn mà Đại sư công khéo ở đây có thể nói là rất đặc biệt. Tôi từng lo sách này truyền bá không xa. Nay nhật lấy mà so sánh chỗ hay đẹp rồi khắc bản để lưu hành trên đời, chon pháp nhữ xin xem mà kính ngưỡng.

Ngày mồng một tháng chạp năm Kỷ Mão, niên hiệu Nguyên Lộc  
Hoa Đảnh Nghĩa Sơn kính

